

THÀNH DUY THỨC LUẬN DIỄN BÍ

QUYỂN 6 (PHẦN CUỐI)

Luận: Vì sao ở đây y theo mười lăm xứ lập?

Có hai giải thích: Một là vì sao mười nhân này y theo mười lăm xứ lập; hai, đây là bốn duyên trước. Đã nói bốn duyên như vậy y theo mười lăm xứ, nghĩa có sai khác, kiến lập mười nhân, vì sao đây duyên y xứ lập nhân? Có nghĩa xác quyết rằng, giải thích sau là thù thắng. Y xứ sai biệt lập duyên làm nhân không lìa ngoài duyên riêng có nhân. Mười nhân đã như vậy, y xứ cũng như vậy, tức khai bốn duyên làm mười lăm xứ, không lìa ngoài duyên riêng có y xứ. Do nghĩa này nên khai rõ bốn duyên trước làm mười lăm xứ. Đứng về mười lăm xứ, nghĩa có sai khác, thành lập bốn duyên để làm mười nhân, nhưng khai bốn duyên làm mười lăm xứ. Nghĩa chuẩn theo đó lẽ ra như vậy, chẳng phải ở đây có vấn.

Biện rằng: Giải thích trước thù thắng, vì sao? Văn sau riêng hỏi bốn duyên y xứ nhiếp nhân v.v... vì thế ở phần sau luận ghi: Nói bốn duyên nương xứ nào mà lập? Lại vì sao nhiếp mười nhân, hai nhân? Lại trước hỏi rồi, tức nêu y xứ mà biện mười nhân để đáp mà không nói bốn duyên. Do đây nên nói giải thích trước là thù thắng. Nếu lấy giải thích sau thì văn sau lại hỏi, thì thật là dài dòng. Văn trước không đáp, vì sao thiếu ư? Nay lại giải thích rằng, đây nói cả hai là bốn duyên và mười nhân, vì sao bốn duyên cho đến mười nhân đều nương theo y xứ? Sau đáp, trước biện mười nhân y xứ, sau nói duyên y, trong duyên y do chia ra mười nhân, thế văn xa nên hỏi lại, cũng không trái nhau.

Sớ: Nhưng y đối với nghĩa cùng chuyển thành thứ bảy.

Lược thành hai giải thích:

1. Nói y đối với cùng chuyển thứ bảy, không nói y ấy là nó đối với nghĩa. Y nếu đối nghĩa vì sao được nói cùng chuyển thứ bảy? Thế không hai nên không thể nói “đồng thời”.

2. Nói y đối với có đồng có khác. Như căn cảnh, y đối không đồng.

Nói y ngữ xứ lập, tùy nói nhân y tức đối với nghĩa. Nay y nhân kia nói rằng y đối với nghĩa, đối y đối với danh là đồng thời thứ bảy. Điều này nên suy nghĩ.

Luận: Nghĩa là pháp danh tướng sở khởi ngữ tánh.

Đây là văn của luận Du-già quyển 38, đủ như sơ dẫn. Nay lược giải thích rằng: Pháp là tất cả pháp Hữu vi, Vô vi, trói buộc, không trói buộc là nhân khởi ngôn thuyết gọi là pháp. Danh là tên pháp, do nghe các loại tên của các pháp rồi, hoặc từ giáo tìm danh cú văn mà khởi nơi tướng, lấy cảnh sai biệt thiện ác mới khởi ngôn thuyết, cũng y văn cú mà khởi nơi tướng. Nêu loại ban đầu để nhiếp các loại khác nên chỉ nói danh.

Hỏi: Luận nói tâm tứ gọi là biến hành, vì sao đầu tướng vừa khởi ngôn thuyết?

Đáp: Lấy cảnh sai biệt mới phát khởi ở ngôn, thật ra do đối với tướng duyên pháp nghĩa kia. Nhưng khởi đối với ngôn cũng nhờ tâm tứ. Nay căn cứ theo lấy cảnh khởi ngôn nên chỉ nói nơi tướng. Lại do ngôn thuyết mà có rộng hẹp, thân sơ, hai trường hợp khác nhau, tâm tứ tuy thân mà không khắp cõi Phật, tướng nhân tuy sơ mà thông suốt nhân quả, do đó mà nói.

Sớ: Chỉ dùng ba tướng và được nêu vấn hỏi.

Ý nêu kia cho rằng: đăc và tướng kia là y pháp lập. Tùy pháp sở y để phán phân đối với tánh, danh v.v... cũng như vậy, vì sao không tùy thanh để thông thiện ác?

Sớ: “Không thể nói cùng” đến “không đồng danh”.

Đây là nêu lại người ngoài chống chế, ý người ngoài chống chế rằng: Đăc và sinh v.v... là pháp sở y, đều có nhân nghĩa. Danh v.v... thì không như vậy, vì sao được nêu ra?

Sớ: Đại thừa đều có nhân.

Đây là phá ý chống chế, hiển rõ nhân Đại thừa chỉ đăc v.v... không thể lấy đó chống chế nghĩa của tự tông.

Hỏi: Nhân thanh bản chất có thể chỉ Vô ký, do vì thức tám chỉ là Vô ký. Nếu nương thanh của tha biến tướng phần thì tánh nó như thế nào?

Đáp: Có thể thông với thiện. Như dùng tâm thiện nghe Phật thuyết pháp, bản chất đã thiện có thể nghe thanh thiện sở biến cũng không lỗi. Do thanh Vô ký, căn cứ bản chất mà nói, tướng phần, danh v.v... tùy thanh sở y cũng thông với thiện.

Sớ: Không phải thể khác y thể lập nghĩa.

Ngữ y là thể, thuyết nhân là nghĩa. Do trên ngữ thể có nghĩa năng thuyên, tức do ngữ y mà làm thuyết nhân, không đồng nhân thức y căn riêng có, không đồng đặc v.v... y pháp giả lập.

Hỏi: Do ngữ y nghĩa là Tùy thuyết nhân, vì sao nói ngữ y tức là Tùy thuyết nhân, thể là Trì nghiệp thích ư?

Đáp: Vì nghĩa không lia thể, Trì nghiệp vì sao trái được.

Sớ: Nếu như vậy tức do ngôn thuyết làm quả.

Hỏi: Giả sử như vậy cũng đâu có lỗi gì?

Đáp: Liền trái với ngữ y, tức nghĩa thuyết nhân.

Luận: “Nếu y kia nói” đến “ngữ y xứ v.v...”.

Hai luận không đồng, đều như số tổng hợp. Có nghĩa, số nói văn luận không tổng hợp, điều này không xứng lý, tức trong văn này chính là giải thích nghĩa tương vi, lại giúp luận chủ lập riêng đạo lý. Bồ-tát địa nói ba chủng mười nhân, Đối Pháp luận nói tức hiển nhân ban đầu, tánh chỉ là nhiệm.

Biện rằng: Trong luận vì sao có do năng thuyên sở thuyên sinh khởi thứ lớp thuận nghịch? Căn cứ theo luận không có điều này, nói luận không tổng hợp, vì sao có phi lý? Lại số tổng hợp rằng, Đối Pháp chỉ y phần nhiệm sinh để nói nhân quả, mà ẩn không nói rằng giúp luận chủ lập riêng đạo lý, y nhân nhiệm ban đầu, e rằng có xem nhẹ người mà xem trọng mình lắm chẳng!

Hỏi: Văn này nếu không phải tổng hợp tương vi thì nhân do đâu mà có? Lại nói khoa nào tổng hợp tương vi?

Đáp: Chỉ hiển rõ văn kia, lấy Tùy thuyết nhân làm ngữ y xứ, rõ ràng ý luận khác nhau mà nói tổng hợp tương vi, không có năng thuyên sở thuyên, tương sinh nghĩa hợp, nói luận không hợp cũng không có lỗi.

Hỏi: Ba tánh Tùy thuyết nhân nghĩa là thế nào?

Đáp: Luận Du-già quyển 38 ghi: Đối với các việc gieo trồng ở thế gian, tùy các thứ ngũ cốc ở đời giúp cho sự sống chỗ có các thứ danh tướng ngôn thuyết. Nghĩa là ngũ cốc lúa mạch tức hưởng đến các việc gieo trồng kia làm Tùy thuyết nhân. Lại đối với tất cả tạp nhiệm duyên khởi tất cả các thứ danh tướng ngôn thuyết, vô minh hành thức, cho đến ưu khổ phiền não, tức nó hưởng đến các pháp tạp nhiệm kia làm Tùy thuyết nhân. Lại đối với tất cả phẩm pháp thanh tịnh, cho đến nhập Niết-bàn, tất cả các thứ danh tướng ngôn thuyết, tức nó hưởng đến các pháp thanh tịnh kia làm Tùy thuyết nhân.

Luận: Lãnh thọ y xứ.

Lãnh nghĩa là lãnh nạp, thọ là nhiếp thọ, nghĩa là năng thọ sở thọ đều gọi là lãnh thọ, tức lãnh thọ xứ lập Quán đãi nhân. Quán đãi nhân cũng gồm năng sở, do đây dựa vào nó có thể lập bốn câu:

1. Năng thọ là nhân, sở thọ là quả, trước trông mong ăn, sau trông mong được ăn.

2. Sở thọ là nhân, năng thọ là quả, do đối với cảnh mới lãnh thọ nó.

3. Năng thọ là nhân, năng thọ là quả, do định thứ hai là định Sinh hỷ lạc địa sinh lạc Tam thiên v.v...

4. Sở thọ là nhân, sở thọ là quả, như do phong luân trì thủy luân v.v...

Còn lại có thể biết. Vì thế, luận Du-già quyển 38 ghi: Quán đãi, do đây làm nhân. Đối các việc kia hoặc cầu hoặc giữ, đây gọi là Quán đãi nhân kia. Như Quán đối với tay, nên tay làm nhân, nên có nghiệp cầm nắm. Quán đối với chân, nên chân làm nhân, có công năng đi tới đi lui. Quán đối với đói khát, đói khát làm nhân, đối với các thứ ăn uống hoặc cầu xin, hoặc cất giữ.

Hỏi: Đây nhân ba tánh, nghĩa nó thế nào?

Đáp: Trong luận Du-già ghi: Quán đãi đói khát yếu kém thân trụ. Quán đãi đoạn thực chỗ có mùi vị ưa thích. Đối kia tìm cầu chấp lấy thọ dùng, tức nói pháp kia là Quán đãi nhân. Lại quán đãi cảnh giới, tất cả mùi vị ưa thích, các hữu chi tương tục lưu chuyển, tức nó hướng đến các pháp tạp nhiễm này làm Quán đãi nhân. Lại Quán đãi các hành vì nhiều lỗi lầm, ưa cầu thanh tịnh nhiếp thọ thanh tịnh, thành mãn thanh tịnh, nó hướng đến đây làm Quán đãi nhân.

Luận: Tức y xứ này lập Khiên dẫn nhân.

Khiên dẫn nhân này cũng có ba tánh. Luận Du-già ghi: Do nó từ hạt giống sai khác, các loại gieo trồng khác nhau mà sinh, tức nói hạt giống kia là Khiên dẫn nhân. Lại đối với hiện tại các pháp vô minh tất cả các chủng tử đã sinh và trưởng thành. Nay chủng tử này hướng đến sinh và sinh, lão, tử v.v... làm Khiên dẫn nhân.

Giải thích: Đây hướng đến quả thông gần và xa. Lại an trụ chủng tánh, Bồ-đặc-già-la chủng tánh đầy đủ có thể làm thượng thủ chứng hai quả Hữu dư Niết-bàn và Vô dư Niết-bàn, hướng pháp thanh tịnh kia làm Khiên dẫn nhân.

Giải thích: Chủng tánh hướng đến trí năng chứng Niết-bàn làm Khiên dẫn nhân, không hướng đến Niết-bàn, vì Niết-bàn không phải là nhân sở sinh. Nên lý sở chứng hiển rõ trí năng chứng.

Số: Chưa được sức thiện hữu thắm nhuần.

Hỏi: Trong các giáo pháp chỉ nói hoặc là có thể thắm nhuần, nay nói thiện hữu thắm nhuần, thật chưa từng được nghe?

Đáp: Nhuận là trợ giúp khiến cho sinh trưởng. Căn cứ sinh trong ba cõi giáo nói hoặc thắm nhuần. Nếu luận về xuất thế đa văn, thiện hữu có thể trợ giúp gọi là thắm nhuần, điều này cũng đâu có trái nhau. Số nói “vân vân” nghĩa là nghe và huân tập.

Luận: Sinh khởi nhân.

Y theo Du-già luận cũng thông ba tánh. Luận nói tức hạt giống kia hưởng đến mầm mộng sở sinh. Lại các pháp vô minh đều có chủng tử khác nhau. Lại chủng tánh đã nhiếp tất cả Vô lậu Bồ-đề phần pháp tất cả chủng tử, hưởng đến tất cả Bồ-đề phần pháp. Vô ký, nhiễm, thiện như thứ lớp ba tánh sinh khởi nhân.

Luận: Nghĩa là đối với nghiệp sở tác.

Nghiệp sở tác là quả, nghiệp tức năng tác, tức tám chín xứ năng tác nghiệp dụng. Đối quả xứ nói nghiệp dụng thanh là nghiệp sở tác.

Số: Vô ký tức nhân trừ vô gián duyên.

Hỏi: Biến hóa Vô ký vô gián được sinh tâm của học, Vô học, vì sao vô gián quả không phải là Vô lậu?

Đáp: Tức tâm biến hóa thông thiện, Vô ký. Nếu vì vui thích khởi sự biến hóa thì tánh thuộc Vô ký, vì dẫn dắt cho người khác hoặc vì lợi ích các loài hữu tình nên khởi sự biến hóa. Phải biết là thiện, nên khéo biến hóa dẫn tâm Vô lậu. Vô ký cũng như vậy, vì mê mờ yếu kém. Các nghĩa khác đồng như đây nên không dẫn dài dòng.

Luận: Tổng y sáu vị này lập Nhiếp thọ nhân.

Ba tánh nhân này, luận Du-già ghi: Đất, nước các duyên năng sinh mầm mộng. Lại gần người bất thiện nghe pháp bất chánh, tác ý không đúng lý và thế lực tập quán trước dẫn sinh vô minh v.v... Lại thân cận người thiện nghe chánh pháp, tác ý đúng lý và các căn đã tạo trước được thành tựu. Như thứ lớp ba tánh Vô ký, nhiễm, thiện nhiếp thọ nhân.

Luận: Dẫn phát nhân.

Có ba tánh khác nhau. Luận Du-già ghi: Mầm, nhánh, lá v.v... triển chuyển tương tục, mong vào sự gieo trồng hoặc thành hoặc thực. Lại từ chi vô minh cho đến chi Hữu, triển chuyển dẫn phát tương tục về sau. Hưởng đến các sinh chi sinh, lão tử v.v... Lại từ chủng tử sinh tất cả Bồ-đề phần pháp, thứ lớp có thể chứng hai quả Niết-bàn là Hữu dư và Vô dư. Như thứ lớp ba tánh Vô ký, nhiễm, thiện dẫn phát nhân.

Luận: Định dị nhân.

Luận Du-già nói có ba tánh sai khác, nghĩa là từ giống lúa đại mạch sinh mầm đại mạch. Giống lúa đại mạch gieo trồng không mọc loại lúa khác. Như vậy những giống khác phải biết cũng như vậy. Lại chi vô minh và tự chủng tử cho đến chi Hữu năng sinh Na-lạc-ca, sinh các đường khác phải biết cũng như vậy, tức nó hướng đến các pháp tạp nhiễm gọi là Định biệt nhân. Lại tánh Tam thừa đều đối tự thừa có thể nhập Niết-bàn, nó hướng đến thanh tịnh là Định biệt nhân.

Luận: Đồng sự nhân.

Ba tánh khác nhau. Luận Du-già ghi: Đồng là do cày bừa mà được thành tựu, không phải việc cày bừa kia thiếu một nhân nào mà được thành tựu. Vì thế tất cả hòa hợp gọi là Đồng sự nhân. Lại tức do tất cả nhân kia từ Quán đái nhân đến Định biệt nhân gọi là Đồng sự nhân.

Giải thích rằng: Từ nhiễm Quán đái đến nhiễm Định biệt gọi là nhiễm pháp Đồng sự nhân. Lại từ phẩm thanh tịnh Quán đái nhân đến Định biệt nhân kia hướng đến thanh tịnh là Đồng sự nhân.

Luận: Tương vi và Bất tương vi nhân.

Ba tánh của nó như luận Du-già ghi: Sương móc, thiên tai, mưa đá v.v... các pháp chướng ngại, mong mầm tăng trưởng kia là Tương vi nhân. Nó thiếu không bị chướng ngại là các mầm tăng trưởng Bất tương vi nhân. Lại pháp tạp nhiễm này Tương vi nhân, nghĩa là chủng tánh xuất thế gian đầy đủ, gặp Phật xuất thế diễn nói chánh pháp, thân cận thiện tri thức nghe chánh pháp, tác ý đúng lý, tức như các thứ pháp thiện đã nói, hoặc khai mở, hoặc lìa, đây là pháp tạp nhiễm Bất tương vi nhân. Lại chủng tánh không đầy đủ, không gặp Phật xuất thế, sinh nơi không nhân tịnh, không thân cận bạn lành, không được nghe chánh pháp, tác ý không đúng lý, thường học theo các tà hạnh, nó hướng đến thanh tịnh là Tương vi nhân. Tương vi nhân này hoặc thiếu hoặc lìa, đây là thanh tịnh Bất tương vi nhân.

Hỏi: Đại thừa diệt pháp mà không nói Đãi nhân nói Tương vi nhân lẽ nào chẳng phải tự trái ư?

Đáp: Như số và Nghĩa Đăng đều nói cùng pháp tương vi kia làm nhân cũng như bốn tương vi nhân trong Nhân Minh. Có nghĩa phá rằng: Nếu nói cùng tương vi kia làm nhân khiến cho nó sinh v.v... đây chính là tương thuận, vì sao gọi là tương vi? Nay giải thích tức cùng hiện tại sinh v.v... các pháp làm nhân. Nghĩa là lẽ ra sinh do vì trái, nó khiến không được sinh. Do trái không sinh trụ v.v... mà làm quả, vì thế tương vi làm nhân.

Biện rằng: Lý cũng chưa thể được, lẽ ra sinh pháp nó đã không

sinh tức là không có pháp, làm sao hữu pháp cùng với vô làm nhân? Nếu nói do nó không sinh trụ v.v... mà làm quả, đã nói cùng nó lẽ ra sinh pháp mà làm nhân kia, vì sao nói do nó không sinh trụ v.v... mà làm quả kia? Chính là quả không có nhân, nhân không có quả vậy. Nếu nói cùng với nó lẽ ra sinh pháp trên không sinh trụ v.v... mà làm nhân, vì thế nói rằng cùng sinh pháp làm nhân. Nếu như vậy thì do hướng đến không sinh trụ v.v..., vì sao gọi là Tương vi nhân? Vì chánh thuận với nó không sinh, cho nên theo số là chính. Vẫn như Nghĩa Đăng dẫn.

Số: Sáu tương vi.

Xu Yếu, Nghĩa Đăng hai chỗ đều dẫn, nên ở đây không nêu.

Số: “Hai chỗ trong luận” đến “năng sinh nhân”.

Tức hai vị Bồ-tát địa và tâm tứ địa nói.

Số: Chuẩn theo, nghĩa là luận kia nói sinh khởi nhân v.v...

Cũng có số viết chữ “thùy”, nay theo hai giải thích chữ “chuẩn” và chữ “thùy”.

1. Ý cho rằng, “chuẩn” theo luận Du-già nói sinh khởi nhân vì thế luận này nói sinh khởi nhân. Như luận này đã dẫn văn. Luận này nói trong sinh khởi nhân có nghiệp chủng, rõ biết sinh khởi nhân luận kia có nghiệp như vậy.

2. Ý cho rằng, “thùy” nghĩa là trong luận Du-già nói sinh khởi chỉ là nhân duyên. Số nói nhân này là nhân duyên vậy. Số nói “như văn này” là giải thích Bồ-tát địa sinh khởi không chỉ có lý do nhân duyên, vì sao? Luận này giải thích các nhân sinh khởi. Trong phần giải thích đã nói trong sinh khởi nhân có nghiệp chủng, rõ biết sinh khởi kia bao gồm nghiệp là điều không còn nghi ngờ gì nữa. Nếu không như vậy, luận này liền trái với bản kia. Hai giải thích đều được, phải theo nhiều bản.

Số: Khiên dẫn nhân hoàn toàn.

Hỏi: Trong Khiên dẫn nhân có phi nhân chủng, vì sao nói là hoàn toàn?

Đáp: Toàn chưa thấm nhuần cho nên gọi là toàn, nói sinh khởi hoàn toàn cũng chuẩn theo đây mà biết.

Số: Hai loại khác hợp với trước để làm thể.

Tức hòa hợp và không chướng ngại kia.

Số: “Nếu không như vậy” đến “đầy đủ ba duyên”.

Nếu lìa khỏi thể, trong phương tiện kia không nhiếp hai duyên trung gian, như vậy vì sao luận không nói hai duyên trung gian là thuộc về năng sinh? Luận đã không nói thuộc về năng sinh nhân, rõ ràng là tăng thượng. Vì thế biết phương tiện đều nhiếp ba duyên. Tăng thượng

tức là phương tiện nhiếp.

Luận: Một là Dị thực quả.

Hỏi: Chuẩn theo phẩm Phật Mẫu trong kinh Bản Nghiệp ghi: Tất cả thiện thọ quả Phật, vô minh thọ quả Hữu vi sinh diệt. Vì thế thiện quả từ nhân thiện, quả ác từ nhân ác sinh. Nói thiện không thọ quả sinh diệt, chỉ có thọ quả thường hằng như Phật. Luận nói thiện ác đều chiêu cảm dị thực lẽ nào không trái nhau sao?

Đáp: Có chỗ giải thích rằng, cảm quả thiện và bất thiện trong ba cõi đều do vô minh dẫn, gọi chung là vô minh tư lương v.v... Nói có Vô lậu thiện đều hướng đến quả Phật, không phải vô minh phát, gọi chung là thiện, không phải cho rằng vô minh phát các điều phước, không chiêu cảm ba cõi.

Biện rằng: Nếu tư lương đạo Hữu lậu thiện pháp đều hướng đến quả Phật, thì quả nghiệp của Thập vương ở vị nào tạo? Nếu cho rằng vị này tạo nghiệp kia, thì vì sao nói là đều hướng đến quả Phật? Nên nghĩa có khác. Nay lược có hai giải thích: Một là kinh tùy chuyển tùy Hóa địa bộ. Hóa địa bộ nói thiện chẳng phải có nhân. Hai là căn cứ Tam thừa Vô lậu tư lương, Gia hạnh chánh vị lậu thiện, xa gần đều gọi là nhân của Phật quả. Minh là duyên, vô minh hoặc vốn dẫn thiện hữu lậu nên cũng gọi là vô minh. Vì thế nói vô minh chiêu cảm quả trong ba cõi. Do đây không nói các phiền não khác và lậu thiện khác cảm quả sinh diệt. Nếu như vậy chấp vẫn không thừa nhận nhân thiện khác cảm quả dị thực, lẽ ra cũng chấp vẫn chỉ có một vô minh có thể cảm quả hữu lậu, những phiền não khác đều không thể chiêu cảm. Vì trong văn chỉ nói vô minh được. Đây đã không như vậy, thì luận kia vì sao lại như vậy, vì thế biết kinh luận đều y cứ một nghĩa, đều không trái nhau.

Sớ: Chỉ một pháp này, không phải pháp khác đều là giả nói.

Lược có hai giải thích:

1. Nhân quả đồng tánh gọi là một pháp, một pháp nhân quả là thật Đăng lưu, không phải tánh khác là Đăng lưu. Dù nói Đăng lưu chỉ là giả nói mà thôi.

2. Chỉ có báo nghiệp này tương tự một pháp giả nói Đăng lưu, không phải từ pháp khác cũng đều giả nói Đăng lưu, vì không đồng nhau. Sớ nêu nhân quả một nghiệp sát sinh, hiển rõ nghiệp thiện ác khác, quả báo đều là giả Đăng lưu, ngoài đây ra không thể nói là giả nói. Hai giải thích này mặc tình chọn lấy.

Luận: Bốn quả sĩ dụng.

Xét luận Du-già ghi: Các cõi một loại đối với trong hiện pháp, y

chỉ tùy một công xảo nghiệp xứ khởi dụng sĩ phu. Nghĩa là các việc, làm nông, buôn bán, thờ vua, thư họa, toán số, bói toán v.v... do đây thành biện các việc cày bừa, các quả tài lợi v.v... gọi là sĩ dụng quả. Lại y theo Hữu tông, Thuận Chánh Lý luận, quyển 18 ghi: sĩ dụng quả có bốn:

1. Câu sinh: Trong một lúc xem nhau làm nhân, do sức dẫn khởi.
2. Vô gián: Kế đến sau đó do niệm trước dẫn phát. Như Thế đệ nhất năng sinh khổ pháp trí nhãn kia.
3. Gián cách: Cách thời gian xa, triển chuyển làm nhân dẫn khởi. Như nông phu làm nông đối với lúa gạo v.v.
4. Bất sinh: Niết-bàn do Vô gián đạo lực mà chứng. Nếu Vô gián đạo đoạn các tùy miên chứng trạch diệt, gọi là quả Ly hệ và Sĩ dụng. Nếu không đoạn hoặc chỉ chứng lại diệt thì chỉ gọi là Sĩ dụng.

Đại thừa không có vấn, nghĩa giống như luận kia, cũng không có lỗi.

Sớ: “Tâm, tâm sở khác” đến “tất cả Hữu lậu”.

Ý này cho rằng, luận về tâm và tâm sở đủ năm y xứ. Nghĩa là từ vô gián diệt cho đến sĩ dụng xứ. Luận về sắc khác v.v... trừ ba y trước, chỉ lấy hai loại sau. Hai loại sau thông, có thể biện quả cầu sắc tâm. Dị thực đã là Hữu lậu quả thân nhiếp, vì sao được không y tác dụng sĩ dụng? Do nghĩa này, có thể y sáu xứ.

Luận: “Tùy thuận xứ” đến “tất cả công năng”.

Sớ có ba thuyết, có nghĩa cho rằng vì sao vô gián không được Đăng lưu? Đáp: Chín phẩm ngang nhau thành vô gián duyên, quả này thì không như vậy. Luận sau chỉ nói vì hai duyên được, trong đó chẳng phải không thể dẫn thượng phẩm đồng tánh. Y toàn xứ nói nên không lấy. Nếu nói toàn không, do hiện mong hiện làm Đăng lưu quả, lẽ nào chỉ có tha thức thừa nhận là thù thắng? Nếu nói đủ thì y mười xứ.

Biện rằng: Nếu cho hoàn toàn thiếu mà tổng hợp vẫn thì lý cũng không đúng. Vả lại tùy thuận xứ cũng không hoàn toàn, Niết-bàn sở dẫn không có Đăng lưu, còn chỗ khác chuẩn theo có thể biết. Vì thế y sớ xác quyết rằng, vô gián duyên, hình đối chín phẩm, không phải định tùy thuận, nên luận không lấy nghĩa được Đăng lưu quả. Lại chân Đăng lưu chủng tự sinh nhau, sinh tự hiện hành, hiện hành huân vào chủng tử. Vì thế Đăng vô gián không có chân Đăng lưu, dường như bất định nên không lấy.

Luận: “Chân kiến xứ” đến “tất cả công năng”.

Sớ phán phân bảy xứ được quả Ly hệ. Nay dùng lý xét lẽ ra tám xứ đặc, đã đợi năng chứng mới có sở chứng, lấy lãnh thọ xứ cũng đâu

trái lý. Văn trong đoạn sau không nói Quán đái nhân được quả Ly hệ, căn cứ Hữu vi quả ẩn Vô vi quả mà không nói. Số y theo văn sau nên nói bảy xứ, cũng không trái nhau.

Luận: “Sĩ dụng xứ” đến “tất cả công năng”.

Sớ ghi: Mười một y xứ, nghĩa là thật căn y xứ cũng được quả này. Sớ giải thích lược chỉ nói mười một, không phải nói là bản ý của sớ, làm sao mà rõ? Đáp: Số, trước chánh giải thích sĩ dụng xứ mà lập pháp rằng: Như nhãn căn v.v... sinh nhãn thức v.v... gọi là pháp sĩ dụng, do đó biết được. Nếu không như vậy lẽ nào số trước sau không vượt quá mấy lời, tức tự mâu thuẫn nhau? Nên nhất định phải giải thích lược. Đã thêm y căn bản nên hợp thành mười hai xứ. Có chỗ nói mười ba vì thêm cảnh giới xứ.

Biện rằng: Không lấy cảnh giới hưởng đến quả sĩ dụng kia thì thế của nó thật thưa xa. Vì thế hai sư sau nói sĩ dụng quả nhưng đều không thừa nhận sở duyên duyên đắc.

Luận: “Vì bảy thức trước đối với thức thức tám” đến “chủng tử của tướng phần kiến phần”.

Có hai giải thích:

1. Bảy chủng thức trước, mỗi mỗi có thể huân tập bảy chuyển thức kia từ chủng tử tướng phần kiến phần trong bản thức. Thức thứ tám duyên chủng tử tướng phần kiến phần kia làm thân sở duyên, tức sở duyên kia có thể huân tập và dẫn phát. Vì thế nói năng huân là sở duyên kia. Tuy hiện hành cùng chủng tử nhưng hai tướng không đồng, thể loại thì đồng.

2. Nói đồng số, chủng tử quả tướng phần kiến phần kia sinh kiến phần tướng phần của Thức thứ tám là thân sở duyên. Có thể huân bảy thức là sở duyên. Vì đây kia dẫn phát.

Như vậy hai giải thích đều thành sở duyên. Nhưng giải thích sau dường như nghĩa riêng nói, thật ra cũng trái lý. Dẫn nhân cùng quả vì không đồng với đời, lại y dẫn chủng tử vì lập mạng căn. Niệm này huân rồi niệm sau liền sinh và cùng nó trái nhau. Giả sử nói cách thân nhưng năng sinh, nên có nghĩa duyên, điều này cũng không đúng. Như duyên xa này vì sao thành duyên nghĩa? Lại Thức thứ sáu đối với Thức thứ năm, thứ bảy, nghĩa này chẳng phải không, vì sao không nói có? Nay Thức thứ sáu đối với Thức thứ năm, thứ bảy cũng có sở duyên, Thức thứ sáu có thể huân chủng tử Thức thứ năm, thứ bảy, luận không nói điều này là vì chỉ tóm lược. Các người khác không nói, bèn nói huân tướng phần và kiến phần của Thức thứ tám kia. So sánh hàng trước hàng sau,

cách nhau đến mấy dặm!

Biện rằng: Xét luận xem số, số thật không trái, có nghĩa giải thích trước chẳng phải thuận giáo. Luận nói năng huân chủng tử tướng phần kiến phần kia, năng huân tự chủng vì sao được gọi là kia? Lại mang theo tướng của bản thân nó là sở duyên duyên. Thức thứ tám duyên đối chủng tử, mong hiện hành của thức thứ bảy năng huân tướng phần kiến phần, vì sao gọi là Đối kỹ. Đối nghĩa là mang theo, đối tự. Do đây thân duyên dường như sơ cảnh kia. Sơ cảnh cũng gọi là sở duyên duyên, nếu không như vậy, do đâu được gọi là sở duyên? Há dùng thể loại giải thích sở duyên ư? Lại nói bảy thức trước huân tướng phần kiến phần Thức thứ tám, há có thể huân thức, có thể dẫn nghiệp ư? Vì sao được dùng nó dẫn nhân, nhân quả không đồng làm vấn hỏi? Giả sử tránh dẫn nhân cùng quả đồng đời, nay có đời này tạo nghiệp chịu tội, còn lại không phải nghiệp v.v... đã không có lỗi này, vì sao không lấy?

Lại đã là sở duyên cách đời vì sao lại có lỗi? Luận chỉ nói trước không lựa xa gần. Nếu không thừa nhận năm duyên, tướng trước lẽ ra cũng không thành, vì cũng khác đời, vì thế biết sự này có sức cách đời thành duyên nghĩa, vì gần xa tuy khác mà đều cách. Lại xem ý của số thông chủng tử, hiện hành, không chướng ngại có thể huân chủng tử, kiến phần tướng phần làm tám sở duyên. Chỉ do luận nói có huân nó. Đứng về huân đối với tướng phần kiến phần của Thức thứ tám mà nói, nay đã hạn cuộc đoạn nên khó căn cứ.

Hỏi: Hiện thức trước mong Thức thứ tám, vì sao có tướng sở duyên?

Đáp: Thức thứ tám tâm huân năm trần cảnh, năm tướng huân được, vì thế Thức thứ tám tương tự năm tướng khởi. Do đó năm tướng là sở duyên duyên kiến phần Thức thứ tám. Kiến phần Thức thứ bảy duyên kiến phần Thức thứ tám mà huân chủng tử kia, sau sinh kiến phần kia là tự chứng duyên, kiến phần Thức thứ tám tương tự kiến phần Thức thứ bảy. Lại tướng phần Thức thứ bảy sinh cho nên hiện hành Thức thứ bảy làm tự chứng sở duyên duyên của Thức thứ tám. Thức thứ sáu chuẩn theo đây có thể biết. Lại trong số nói Thức thứ sáu mong Thức thứ bảy v.v... chuẩn theo đây nên biết. Ý nói rằng Thức thứ sáu huân chủng tử năm thức trước và Thức thứ bảy được làm sở duyên duyên của năm thức trước và Thức thứ bảy. Số đã nói rồi, vì sao bảo rằng không nói. Văn luận không đầy đủ, sợ rằng hàng cách hàng quá xa.

Sớ: Lẽ ra lập bốn câu.

Thức thứ bảy chỉ huân kiến phần, năm thức trước chỉ huân tướng

phần. Thức thứ sáu duyên chủng tử kiến phần tướng phần Thức thứ tám, hoặc duyên tâm tâm sở khác. Vô vi, cả hai đều không huân.

Luận: Đồng tụ khác thể.

Có nghĩa hỏi rằng: Như quyển trước nói đồng tụ tâm v.v... do hồ tương hòa hợp dường như một, hồ tương là vô gián, vì sao nay nói chỉ có Tăng thượng duyên?

Đáp: Phải biết rằng đây không tột lý, lại giải thích văn này y đồng thời mà nói. Y trước sau nghĩa là Thức thứ sáu có ba duyên, còn các thức khác chỉ có hai duyên.

Biện rằng: Văn này căn cứ theo đồng thời mà nói, vì sao lại nhầm lẫn đến nỗi vặn hỏi phiền phức như vậy? Trước sau mong nhau, trước đã nói rồi.

Lại hỏi đồng tụ khác thể, lại còn nói hồ tương làm Đẳng vô quán duyên, đồng thể bốn phần, trừ tướng phần, ba phần còn lại thể là một. Một Khai đạo thì thể khác cũng Khai đạo, vì sao không thừa nhận ba phần trước sau hồ tương làm Đẳng vô gián duyên? Nghĩa này nên suy nghĩ.

Biện rằng: Luận nói “đồng tụ” trở xuống đến “tịnh thức thứ tám” đều y đồng thời, đồng tụ bốn phần mà nói duyên nghĩa, không chướng ngại trước sau, tự loại ba phần là Khai đạo. Ba phần đã đối với nghĩa phần một thức, nghĩa hồ tương khai đạo tương ứng không có lỗi. Nói luận không thừa nhận, sợ rằng sai ý chỉ của luận.

Sớ: Tức không có lỗi trước chỉ có lỗi sau.

Nếu thừa nhận đồng thời kiến phần duyên nhau, tổng có hai lỗi.

1. Không có lỗi đồng một sở duyên, như nói tự thấy được tự duyên.

2. Tức có tâm tự duyên ngại, như dao tự cắt.

Nay có ngăn ngại tự duyên thứ hai cho nên gọi là lỗi sau, không phải trong sở trước nêu có hai lỗi mà nói rằng lỗi sau. Hoặc sở trước nói kiến phần tướng phần không duyên nhau, nay thừa nhận tự chứng phần được duyên tự kiến phần. Không có kiến phần tướng phần mong nhau là thiếu lỗi đồng duyên. Nhưng đồng thời tâm và sở thấy mà không duyên nhau, mong tướng phần kia đồng thời tâm vương tâm sở không đồng duyên là lỗi. Tướng phần thấy sau cho nên gọi sau lỗi.

Sớ: “Nay y có thể như vậy” đến “chẳng phải cần như vậy”.

Nay y duyên cảnh của Thức thứ tám mà nói có thể có bản chất, không phải tất cả thức đều cần có bản chất. Như ý thức duyên hư không liền không có bản chất.

Sớ: Hoặc đứng về sơ sở duyên duyên cũng chẳng phải.

Chẳng phải chỉ không được thành thân sở duyên mà sơ cũng không được. Lại sơ nói kiến phần và tướng phần không tương tự, là giải thích lý do không được làm sơ sở duyên. Phạm thân sở duyên thể giống như sơ sở duyên, như tướng phần sắc giống như chất sắc.

Biện rằng: Giải thích trước là trội hơn, hoặc Đối kỷ tướng sau cũng lý thông.

Sớ: “Một là trước y theo nhân y” đến “không hẳn đồng”.

Trước nói tâm vương tâm sở đồng một sở duyên, là căn cứ theo nhân vị mà nói, quả không hẳn đồng, vì sao như vậy?

Đáp: Quả vị tự tại, không đồng cũng đâu có lỗi gì. Lại ngoài nhân duyên ắt đồng sở duyên. Quả cũng từ duyên bên trong tương ứng pháp. Do sở duyên này ắt nhất định đồng. Giải thích sau là chính.

Sớ: Nghĩa này tuy thù thắng nhưng hơi khó biết.

Hỏi: Khó biết lý thế nào?

Đáp: Do không đồng một nghĩa sở duyên.

Hỏi: Vì sao lại không đồng?

Đáp: Tâm vương duyên sở biến kia dường như kiến phần, tâm sở có thể duyên tâm, kiến phần lại làm bản chất kia. Như vậy vì sao được thành đồng sở duyên?

Hỏi: Tâm vương và sở duyên nương gá tự tâm biến, vì sao không đồng?

Đáp: Nhưng không thể một lúc có hai tâm vương. Tâm vương vì sao có năng và sở nương gá? Năng sở nương gá tâm vương đã không có, vì thế chỉ có một tâm duyên tự duyên cảnh. Đồng thời tâm sở biến tâm làm bản chất. Bản chất dường như không đồng nhau vì sao tâm vương, tâm sở đồng một sở duyên? Nếu tương tự gọi là đồng một, lý tuy có thể như vậy. Nhưng bản luận bản chất gọi là đồng một. Vì thế căn cứ kiến phần tự duyên, tương tự duyên đồng gọi là nghĩa thắng. Bản chất không đồng nên nói là khó biết.

Luận: Chỉ trừ kiến phần không phải tướng phần sở duyên.

Như trong Nghĩa Đăng và sớ đã nói đầy đủ rồi. Có nghĩa xác quyết lấy nghĩa thứ tư của Tây Minh mà tự hỏi rằng: Vì sao thừa nhận ba phần có thể duyên ba phần khác? Vì sao tự duyên lại đồng với nghĩa của Tiểu thừa, Đại chúng? Giải thích: Họ nói tâm v.v... thân liễu tự tánh, nếu như vậy một thể phân năng duyên sở duyên lại thành tạp loạn. Nay biến ảnh duyên cho nên không đồng, không có lỗi tự duyên. Nếu không như vậy thì chư Phật lẽ ra không thể biết cùng khắp. Lại vì sao nói đồng một

cảnh? Vì thế phải biết như thọ duyên tướng kiến phần, tướng kiến tức là có thể biến ảnh rồi tự duyên, chỗ gá nương chất đồng, ảnh tướng tương tự nên gọi là đồng. Lại nói, thứ tư duyên phần thứ hai, như vậy phần thứ ba và bốn lại duyên nhau. Kiến phần duyên hai phần sau, có hai giải thích: Một là biến tướng, nghĩa là kiến phần duyên hai phần sau, đã là Hậu đắc trí, nên nhất định là biến tướng. Hai là không biến tự hai phần sau, tức tự chứng phần nên không đồng duyên các phần khác. Tuy Hậu đắc trí cũng không biến tướng. Nay lấy cách giải thích sau.

Biện rằng: Tuy có sự xác quyết sâu xa, nhưng e rằng vẫn chưa được, vì sao nói chưa được? Nếu cho rằng tương tự gọi là đồng thì có thể đúng, nhưng nói kiến phần v.v... biến ảnh tự duyên, rõ ràng là sở duyên đồng. Sở trước đã xác quyết thù thắng nhưng khó biết, lý khó biết như trước đã nói, hay dở có thể biết.

Lại do phần thứ tư duyên thứ hai, phần thứ hai lại duyên hai loại sau, đều chẳng phải biến tướng. Hai duyên ba bốn, khi bốn và ba kia duyên với ba bốn vì sao lại khác? Vì đều bất biến. Bốn duyên thứ hai, trách cũng đồng. Do đây đều có lỗi lẫn lộn, nên bản sơ nói không tạp loạn.

Luận: Quyền thuộc của nghiệp cũng lập tên nghiệp.

Có nghĩa giải thích rằng, sơ nói năm uẩn gọi chung là nghiệp. Nay chỉ có thể lấy pháp tương ứng làm quyền thuộc, căn, cảnh hữu sắc chỉ là Vô ký. Tuy nghiệp câu hành nhưng không thể chiêu Di thực dẫn và mãn.

Biện rằng: Luật nghi và bất luật nghi đã gọi là sắc, bị quyền thuộc của nghiệp giúp chiêu cảm dẫn và mãn, vì sao lý lại trái nhau? Các kinh giáo đều nói do giới thiện ác sinh thiện ác, sơ cũng không nói năm căn và cảnh v.v... là quyền thuộc, tự nghĩa không đủ, vặn hỏi trong sơ hơi thừa.

Sớ: Không đồng Tiểu thừa đủ mười tùy chuyển.

Do mười nhân nên được tên tùy chuyển, gọi là mười tùy chuyển. Thể của tùy chuyển, xét luận Câu-xá quyển 6 ghi: Tất cả chỗ có tâm tương ứng pháp, Tĩnh lự Vô lậu hai thứ luật nghi, tướng pháp kia và tâm sinh, như vậy đều gọi là tâm tùy chuyển pháp. Vì sao pháp này gọi là tâm tùy chuyển? Lược nói do thời, quả, thiện nên pháp này gọi là tâm tùy chuyển. Vả lại nói do thời, nghĩa là đây cùng tâm đồng, bốn tướng và tùy một đời. Do quả nghĩa là đây cùng với tâm cùng một Di thực và một Đăng lưu. Do thiện nghĩa là đây cùng với tâm đồng các tánh thiện, bất thiện và Vô ký. Do đây mười nhân gọi là tâm tùy chuyển. Nay Đại

thừa bốn tướng, thể không chiêu Dị thực, không đồng Tiểu thừa tùy chuyển có thể được quả Dị thực.

Sớ: “Hóa tha bộ” đến “hiện đều có thể”.

Hỏi: Đại thừa thể của hiện cũng chẳng không, vì sao lại lựa nó?

Đáp: Đại thừa thể của hiện chỉ có nghiệp tập khí, không có nghiệp hiện của thể nên không đồng với nó, nên cần phải tự lựa chọn.

Sớ: Trước nói trong tướng cũng thông Vô vi.

Thể tướng và tướng trạng đều gọi là tướng, nên nhiếp Vô vi.

Sớ: Tất cả năm uẩn không lìa hai thứ này.

Sắc uẩn là tướng phần của tâm và tâm sở cũng gọi là tâm sở. Tâm sở và tâm nên nhiếp năm uẩn.

Sớ: Ái lạc chấp lấy duyên thủ.

Rõ ràng thủ thông cả hai, chấp và duyên đều gọi là thủ.

Sớ: “Biệt báo của thức khác” đến “tất cả pháp nhiếp hết”.

Thức khác nhiếp báo và phi báo. Tâm phẩm của bảy thức không chỉ nghiệp cảm, nên gọi là nhiếp hết.

Sớ: Chỉ lựa Dị thực cho là rất hẹp.

Nêu trước để giải thích sau chỉ nhiếp biệt báo, không lấy thức khác và tâm sở v.v... nên gọi là rất hẹp.

Hỏi: Bốn phần tướng phần kiến phần v.v... Bốn phần này đều nhiếp được năm uẩn chẳng?

Đáp: Đều có thể nhiếp được, kiến phần chỉ nhiếp bốn uẩn phi sắc kia. Tướng phần nhiếp toàn sắc và một ít phần uẩn khác. Bản mặt tướng phần tổng thu nhiếp sắc uẩn. Tâm năng duyên tức bốn uẩn khác. Hai phần giữa có thể biết.

Sớ: Tức bốn thủ trên kia.

Kia tức là bốn năng sở thủ kiến phần tướng phần v.v... ở trước, lấy bốn thủ kia nên gọi là thủ kia.

Sớ: “Lấy phần thứ nhất” đến “ba phần sau lấy cũng như vậy”.

Hỏi: “Ba phần đối trước có năng sở thủ, lý tức có thể như vậy, bản mặt thì thế nào?”

Đáp: Bản mặt chưa có thể nhiếp cả hai duyên năng sở, cả hai thủ cho nên có. Hoặc bản là sở thủ, mặt là năng thủ. Mặt duyên đối với bản là huân chủng tánh của bản. Căn cứ thừa nhận có nói thủ thông đối với duyên, chấp hai thứ cho nên nói không trái.

Sớ: Cho nên có tám giải thích.

Đơn và phức hai thủ mỗi loại đều đều có bốn.

Sớ: “Bản mặt” đến “cũng đủ hai nghĩa”.

Tự mình không thể huân, chỉ là sở thủ gọi là thủ, cũng đủ hai nghĩa năng sinh và sở sinh.

Sớ: “Tức danh ngôn chủng” đến “năng sinh bản thức”.

Hiển đủ hai lý, tức hai thứ danh ngôn của bản mặt, có thể huân bảy thức được sở huân chủng này, sau đó năng sinh niệm thức của bản mặt, vì thế bản mặt cả hai đều có được hai nghĩa năng sinh và sở sinh.

Sớ: “Hai thủ ở đây” đến “tướng phần và kiến phần”.

Hỏi: Có thể huân bảy thức không kém Vô ký, vì sao nói năng sinh bản mặt Dị thức?

Đáp: Tướng phần huân chủng tử của bản mặt kia, tướng phần và kiến phần tánh quyết không đồng nhau, huân nó đâu có lỗi gì.

Luận: “Tuy hai thủ chủng” đến “tánh đồng để cảm”.

Có nghĩa hỏi rằng: Chủng tử của thân nhân duyên khi huân hưởng đến quả là nhất định khác đời, như Dị thực chủng, là cũng thừa nhận thân và đời đồng một thời kỳ?

Đáp: Sớ nói Đẳng lưu và Tăng thượng tánh đồng để cảm, niệm này huân rồi niệm sau liền năng sinh, không phải như Dị thực, vì khó chiêu cảm. Thứ hai, đây như nghiệp chủng nhất định không đồng đời. Mười nhân, hai quả không đồng đời, mà lập mạng căn nói y thân chủng sinh Thức thứ tám, một thời kỳ công năng. Nếu thừa nhận đồng đời tùy huân sinh quả, một thời kỳ sinh chủng nghĩa tức không thành. Sở dẫn và sở sinh đời đều có khác. Tự chủng sinh quả tuy không có cùng tận, tùy nghiệp có thể nói một thời kỳ sai khác. Nếu như vậy cùng chủng tử của nghiệp vì sao khác nhau. Nói có tận tướng hay không tận tướng ư?

Giải thích: Nghiệp chiêu cảm sinh rồi tuy có chủng tử, sau lại không thể chiêu Dị thực quả, pháp kéo dài tuổi thọ kia, thánh sinh Tịnh cư, đều giúp nghĩa thọ nghiệp quả chưa cùng tận. Nghiệp nếu thọ quả đã cùng tận giả sử được thắng duyên trọn không có thể thọ nơi quả, nên gọi là có cùng tận. Như danh ngôn chủng có là một nghiệp dẫn sinh quả một thời kỳ, sau đó gặp duyên dẫn lại năng sinh quả nên gọi là vô tận, chẳng phải công năng không sinh quả một thời kỳ gọi là vô tận.

Biện rằng: Xem ý giải thích, lấy giải thích sau. Nay trước bàn về đời, sau định hơn kém. Đời có ba thời khác nhau là sát-na, phần vị và sinh tử. Như chủng sở huân, hiện quả sở sinh cùng năng huân hiện, tùy theo các đời trước mà không đồng, vì không có trong một niệm mà có hai hiện. Các chủng tử sở huân hưởng đến quả sở sinh thừa nhận có đồng đời. Chủng tử tự sinh nhau cũng gọi là quả nên phần vị của đời đồng. Các chủng tử danh ngôn đều được gọi là hai thủ tập khí, chủng

tử thiện ác v.v... sinh hiện quả thiện ác v.v... đời sát-na và nghiệp dẫn cảm danh ngôn chủng của thức. Mong sinh quả hiện hành có thể đồng. Sở căn cứ nghĩa này nên nói là đồng, nếu không như vậy, luận nói tánh đồng để cảm v.v... chỉ là lập suông, nghĩa sau rất đồng, tổng phán phân đời khác nhau, lý cũng chưa thỏa đáng.

Luận: “Nhưng các tập khí tổng có ba loại”.

Nhiếp luận của Vô Tánh có ba huân tập, nghĩa không đầy đủ, nên ở đây không chép.

Sớ: Nếu y theo bên ngoài gọi là Biểu nghĩa.

Có nghĩa giải thích rằng, năm thức tất cả đều y bên ngoài nên lẽ ra gọi là Biểu nghĩa.

Biện rằng: Do từ tên khác tự có thể huân tu, do tự tha đối lập nên gọi là ngoài, không đứng về căn trần để nói trong ngoài, vì sao lầm cho rằng năm thức để vạn hỏi? Người trí nên biết.

Sớ: “Nếu y Vô lậu” đến “bên trong gọi là duyên”.

Hỏi: Trước nói Biểu nghĩa là đối với ngoài, nay vì sao nói là trong?

Đáp: Hiển rõ tên kia do bên trong phát, lập tên bên ngoài, không hưởng đến tự tha cho nên không mâu thuẫn.

Luận: “Tùy theo hai danh ngôn” đến “đều khác nhân duyên”.

Hỏi: Biểu nghĩa thanh giới, hiển cảnh danh ngôn tức bảy tâm giới và một phần pháp giới hợp thành chín giới, vì sao có thể làm nhân riêng của các pháp?

Đáp: Nhân hai danh ngôn tùy ứng tương kiến huân chủng của các pháp làm nhân các pháp, lý không có lỗi. Sở nói đầy đủ ý này, tìm đọc có thể biết. Vì thế Nhiếp luận của Thế Thân ghi: Danh ngôn huân tập sai khác, nghĩa là nhãn danh ngôn huân tập, trong Dị thực thức làm nhãn sinh nhân, khi Dị thực sinh nhân từ nó sinh. Dùng nó làm nhân trở lại gọi là nhãn. Như vậy, nhĩ v.v... tất cả danh ngôn sai khác cũng vậy.

Luận: “Tùy hai ngã chấp” đến “tự tha có khác”.

Hỏi: Hàng phàm phu và bậc Hữu học có ngã chấp này là tự tha có khác, còn bậc Vô học các bậc Thánh hai chấp đã trừ thì thể tự tha đồng ư?

Đáp: Do có chấp trước kia đây nên tình sinh khởi chấp tự tha. Chấp kiến đã đoạn, vật ngã tâm đã hết, được đồng thể bi, tự tha dứt bỏ. Y chấp và không chấp do ngã và ngã không, không phải ngã và ngã không thể đồng nhau, vì thế, bậc thánh Vô học thể được thành khác.

Luận: “Nên biết ngã chấp” đến “Tăng thượng duyên”.

Hỏi: Ba thứ huân tập này là đồng hay khác?

Đáp: Nghĩa của nó không nhất định. Hai thứ sau huân tập nhất định là danh ngôn. Danh ngôn tự có không phải do hai thứ sau, tức các tánh Vô ký nhưng chẳng phải chấp và Vô lậu chủng, đều không phải do hai thứ sau huân tập.

Nếu cho rằng ngã kiến đối Hữu chi thì thì lẽ ra có bốn câu:

1. Có ngã huân tập mà chẳng phải hữu chi, nghĩa là Vô ký chấp chủng tử sở huân.

2. Có hữu chi huân tập mà chẳng phải ngã kiến, nghĩa là tâm thiện và ác không khởi chấp.

3. Có cả hai huân tập: Nghĩa là bất thiện chấp chẳng phải cả hai thứ huân tập nghĩa là vô phú, Vô ký và Vô lậu chủng v.v.

4. Có đủ ba thứ huân tập: Như trong Dục giới phân biệt ngã kiến, các pháp tương ứng.

Luận: “Các đồng thời khác, văn nghĩa như trước đã nói”.

Hỏi: Ba thứ trên huân tập cùng mười một thức nhiếp nhau như thế nào?

Đáp: Xét Nhiếp luận của Vô Tánh quyển 4 và Bản luận ghi: Trong đó hoặc thân, thân giả, thọ giả thức, bĩ sở thọ thức, bĩ năng thọ thức, thế thức, số thức, xứ thức, ngôn thuyết thức, đây do danh ngôn huân tập chủng tử. Như tự tha sai biệt thức thì do ngã kiến huân tập chủng tử. Như thiện thú ác thú sinh tử thức, đây là do hữu chi huân tập chủng tử. Tên của mười một thức sẽ giải thích ở sau, nên ở đây không nói.

Sớ: “Vô minh có mười chín, bảy, năm, sáu v.v.”

Xét luận kia nói đủ mười chín vô minh, nay lược nêu gồm:

1. Không biết đời trước
2. Không biết đời sau
3. Không biết đời trước đời sau
4. Không biết bên trong
5. Không biết bên ngoài
6. Không biết bên trong bên ngoài
7. Không biết nghiệp
8. Không biết Dị thực
9. Không biết nghiệp Dị thực
10. Không biết Phật
11. Không biết pháp
12. Không biết tăng
13. Không biết pháp khổ tứ đế

14. Không biết pháp tập tứ đế
15. Không biết pháp diệt tứ đế
16. Không biết đạo tứ đế
17. Không biết nhân
18. Không biết từ nhân sinh ra các hành
19. Không biết sáu thứ xúc xứ như thật thông đạt, trong sở chứng

điền đảo tư duy.

Như vậy được mười chín thứ vô minh.

Bảy thứ vô tri gồm:

1. Không biết đối với đời
2. Không biết đối với sự
3. Không biết đối với di chuyển
4. Không biết đối với tối thắng
5. Không biết đối với chân thật
6. Không biết đối với nhiệm tịnh
7. Không biết đối với tăng thượng mạn.

Năm thứ vô minh gồm:

1. Không biết đối với nghĩa
2. Không biết đối với kiến
3. Không biết đối với phóng dật
4. Không biết đối với chân thật nghĩa
5. Không biết đối với tăng thượng mạn.

Sáu thứ vô minh gồm:

1. Không biết
2. Không thấy
3. Không có hiện quán
4. Hắc ám
5. Ngu si
6. Vô minh ám.

Hỏi: Mười chín thứ vô minh và bảy, năm, sáu thứ kia nhiếp nhau thế nào?

Đáp: Nhiếp bảy thứ kia: Ba thứ ba đầu nhiếp thứ nhất, ba thứ kế đến nhiếp thứ hai, ba thứ kế đến nhiếp thứ ba, ba thứ kế đến nhiếp thứ tư, bốn thứ kế đến nhiếp thứ năm, hai thứ kế đến nhiếp thứ sáu, một thứ sau nhiếp thứ bảy.

Kế đến nhiếp năm thứ vô minh: Trong năm thứ vô minh, nghĩa ngu thông nhiếp mười chín thứ. Kiến ngu nhiếp sáu thứ trước và nhân sở sinh trong mười chín thứ. Phóng dật ngu nhiếp nghiệp vô tri và Dị thực

vô tri. Chân thật nghĩa ngu nhiếp từ đối với Phật vô tri cho đến Đạo đế tất cả vô tri. Tăng thượng mạn ngu nhiếp thứ vô tri cuối cùng.

Kế đến sáu tướng nhiếp: Trong luận chỉ nói sáu, bảy tướng nhiếp, không nói mười chín thứ nhiếp, nghĩa chuẩn theo đây có thể biết. Vì thế luận ghi: Sáu thứ vô minh sai khác như vậy tùy ở trước đã nói bảy vô tri, thứ lớp nên biết, đối với hai việc vô tri sau hợp chung thành một khởi vô minh hắc ám sau cùng này.

Sớ: “Đại luận quyển 10” đến “đều nói thật có”.

Xét quyển 10 ghi: Chín thật ba giả. Đồng như luận này nói. Quyển 56 ghi: Phải biết có sinh chi và lão tử là giả có. Các sở hữu chi là pháp thật có. Quyển 55 ghi: Các chi phiền não giả và thật. Như trước đã dẫn, nay không chép lại.

Sớ: “Phát khởi phước, phi phước và bất động, ba thứ vô minh khác nhau”.

Phước sở phát phước v.v... có ba loại, vô minh năng phát chỉ có hai loại. Xét Đối Pháp ghi: Do Dị thực ngu phát phi phước hành, do nó một bề hưởng đến tánh nhiễm ô, khi vô minh hợp nhất định không dung chứa thọ, tín giải dị thực hành tướng chánh kiến. Do chân thật nghĩa ngu phát phước hành phi và bất động. Chân thật nghĩa tức bốn Thánh đế đối ngu si kia gọi là chân thật nghĩa ngu. Chưa kiến đế, tuy khởi tâm thiện, do tùy miên kia tùy chuyển nên cũng gọi là ngu si. Do thế lực kia đối với khổ trong ba cõi không biết đúng như thật, liền có thể phát khởi tánh phước và bất động hành quả báo đời sau.

Sớ: “Ba thức chi” đến “hằng tùy chuyển”.

Xem qua quyển 93, tợ chứng chi thức chỉ lấy chủng tử không lấy thức khác. Lý thật chỉ chứng A-lại-da làm chi, lựa chuyển thức khác, chẳng phải chứng chủng tử.

Sớ: “Trong thai mẹ do thức làm duyên”.

Hành chi trong quá khứ huân chủng tử của thức gọi là nhân thức. Nhân thức năng sinh trong bào thai, ban đầu kết sinh thức. Kết sinh thức tức là quả thức. Quả thức tương tục có thể giữ gìn các danh sắc v.v... của vị yết-la-lam, nhân đến mạng chung giữ gìn không cho dứt tuyệt.

Sớ: “Văn nói” đến “sự đuổi theo”.

Nói thức này là thức chặng giữa, danh sắc đời sau gọi là đương lai. Do thức chặng giữa có thể dẫn danh sắc đời sau. Vì thế, chủng tử của danh sắc theo thức kia.

Hỏi: Nói đuổi theo là nói sở dẫn, tức luận kia nói, chủng tử của danh sắc lại là chỗ đuổi theo chủng tử sáu đường đời sau, cho đến chi

thọ tác pháp cũng như vậy, vì sao có thể chứng Thức thứ tám này?

Đáp: Như Thức thứ tám, Thức thứ tám có thể giữ gìn các chủng tử. Chủng tử đời sau có thể làm đuổi theo. Chủng tử chặng giữa, nếu không phải là A-lại-da, vì sao có chủng tử đuổi theo nhau, trước dẫn sau ư?

Số: “Hỏi” đến “không có sắc chỉ có một”.

Xét luận kia ghi: Nhãn thức thì sao? Nghĩa là đối với đời sau y chỉ nhãn căn liễu biệt thức cảnh sắc. Tất cả hành phước, phi phước, bất động huân phát chủng tử thức, và quả thức mà chủng tử kia sinh ra. Nhãn thức như vậy nhấ đến ý thức nên biết cũng như vậy.

Số: “Đáp” đến “vì hằng tùy chuyển”

Xét luận kia ghi: Phải biết thức này đối trong hiện pháp chỉ là nhân tánh. Còn lại trong văn số có đầy đủ, giải thích cũng có thể biết. Lại có giải thích rằng: Như ban đầu thọ sinh chỉ là ý thức, vì thế đứng về tương tục có sáu thức thân.

Biện rằng: Đại thừa nói ban đầu sinh chỉ có Thức thứ tám. Nay nói ý thức, như vậy có lỗi trái với tông. Nay thêm một giải thích, lý thật kết sinh là Thức thứ tám. Căn cứ sau tương tục thừa nhận có sáu thức, nên nói có sáu thức.

Số: “Đại luận quyển 18 nói thai tạng khổ”.

Xét luận kia ghi: Có bao nhiêu năng sinh khổ? Là năm. Có bao nhiêu khổ thai tạng? Là năm. Có bao nhiêu chỉ là khổ? Là hai.

Giải thích: Đó là vô minh, hành, ái, thủ, hữu là năm. Năng sinh đương khổ gọi là năng sinh khổ. Thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ của nó năm chi này là chủng tử, đây là các nhân sinh lão đời sau gọi là khổ thai tạng. Sinh và lão tử chỉ là khổ. Đã nói rằng thức v.v... là khổ thai tạng, rõ ràng không nói là hiện tại.

Hỏi: Đã nói rằng khổ thai rõ ràng năng sinh khổ, vì sao không đồng năng sinh khổ thân nhiếp.

Đáp: Nhuận và không nhuận cách nhau, quả xa gần được gọi không đồng, sinh và lão tử hai chi chính gọi là khổ. Đây do khổ kia gọi là khổ thai tạng, là Y chủ thích. Bản số phần nhiều nói thai tạng khổ là người viết nhầm.

Hỏi: Giả sử cho rằng thai tạng khổ giữ nghiệp được tên cũng đâu có lỗi gì?

Đáp: Tuy có pháp Hữu lậu thể đều là khổ, nhưng văn đã dẫn ý nói sinh v.v... hai quả gọi là khổ, vì thế vô minh v.v... gọi là năng sinh khổ. Sinh, lão tử, cả hai chỉ là khổ, cho nên biết thai tạng là nhân của khổ. Y chủ thích là thù thắng.

Sớ: “Nếu không như vậy lại trái” đến “thai tạng khổ”.

Hiển rõ là trái. Quyển 10, quyển 56 vẫn nói chung. Khổ thai tạng tức vẫn trong quyển 10, vẫn như trước đã dẫn. Quyển 56 ghi: Thức trong hiện pháp là chỗ huân tập của các nghiệp phước, phi phước và bất động, là chỗ đuối theo của chủng tử sau, có thể dẫn các thân thức đời sau sinh khổ lão tử. Lại nói tức là tánh chủng tử của thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, khi tùy sở y từng được các khổ dẫn nhân. Nay đã dùng quả gọi là sinh, lão tử được gọi là khổ. Chuẩn theo các văn này nói thức v.v... năm thứ chỉ lấy chủng tử.

Sớ: “Luận này phần sau” đến “thông lấy ba tánh”.

Có nghĩa giải thích rằng, ba tánh năm uẩn là chi này, vì sao được dẫn quyển 2 của luận này, thứ lớp nói ư? Như nói năm chi chỉ là Dị thực, rõ ràng biết tổng nhiếp không thông ba tánh, vì sao được cho là chứng thông nhiếp ba tánh?

Biện rằng: Biệt tổng đã khác, tánh làm sao đồng. Nếu cho rằng biệt tánh nêu tổng tánh đồng, thì lẽ ra cho rằng biệt thể nêu tổng thể, thể khiến cho đều đồng, thể đã không đồng, tánh làm sao đồng được.

Lại trong Đại luận quyển 9 nói ba tánh của danh sắc, cách giải thích thứ hai này làm sao biết không y theo nghĩa kia mà bàn? Nếu không như vậy vì sao phải phân làm hai giải thích. Do đây mà nói sở vốn không có lỗi.

Sớ: “Đây đứng về một lúc đều có năm loại”.

Hỏi: Lục xứ ý nói không có, vì sao đều có?

Đáp: Cùng thời thức chuyển đổi với đời gọi là ý, cho nên năm loại đồng thời. Nghĩa Đăng có một giải thích cùng với sở hơi khác.

Sớ: Chưa gọi là lục xứ.

Không có dụng của lục xứ nên không gọi là lục xứ.

Sớ: Giải thích tên duyên khởi.

Xét luận Du-già quyển 10 ghi: Do phiền não ràng buộc dẫn đến các đường, thường thường sinh khởi nên gọi là duyên khởi. Đây y theo chữ mà giải thích tên. Lại y theo sự nương gá các duyên mau trừ diệt, tương tục hòa hợp sinh khởi nên gọi là duyên khởi. Đây là y theo nghĩa sát-na mà giải thích. Lại các duyên quá khứ không bỏ lìa, y tự tương tục mà được sinh khởi, nên gọi là duyên khởi. Như nói đây có cho nên kia có, đây sinh cho nên kia sinh, không phải gì khác. Đây là y nghĩa giải thích tên. Lại thường thường từ diệt rồi lại tương tục khởi nên gọi là duyên khởi. Đây là y theo nghĩa thường hoại thường diệt mà giải thích. Lại trong thời quá khứ giác duyên sinh rồi tương tục khởi nên gọi

là duyên khởi. Như Đức Thế Tôn nói Ta đã giác ngộ chánh khởi tuyên thuyết, tức do đây gọi là triển chuyển truyền nói, gọi là duyên khởi. Sơ dẫn sơ lược, sơ kể sơ học khó phân biệt nên nay chép đủ.

Sớ: “Vô minh này không đoạn”.

Xét luận kia ghi: Hai chi vô minh và hành tác pháp đối với chi khác để nêu rõ minh, vô minh như trong sơ đã nói. Còn luận về minh, như sơ kia ghi: Chủng tử của các hành không đoạn nên các hành được sinh, các hành sinh nên có chuyển thức. Các chi còn lại chuẩn theo đây có thể biết.

Sớ: Biến ngại có hai.

Xét trong quyển 56 ghi: Nghĩa biến ngại lại có hai loại: Một là tay xúc chạm liền biến hoại, hai là phương xứ xúc sai khác, có vô số tướng nghĩa.

Sớ: Thứ lớp thứ ba.

Sớ tuy dẫn đủ nhưng vẫn ẩn khó biết. Nay lược hỏi đáp.

Hỏi: Hành thông thiện ác vì sao gọi chung là tà?

Đáp: Có hai giải thích: Một là căn cứ theo bất thiện mà nói, hai là vô minh phát hành đều chiêu cảm ba cõi. Trái với hoàn diệt nên gọi chung là tà.

Hỏi: Thức chỉ có Thức thứ tám vì sao gọi là điên đảo?

Đáp: có hai giải thích:

1. Hành có hiện và chủng: Hiện hành gọi là hành, chủng gọi là thức. Chủng do hiện mà huân tập nên nói khiến cho điên đảo. Đối Pháp cũng nói, nghiệp chủng là thức.

Hỏi: Chủng tử của nghiệp vì sao gọi là điên đảo?

Đáp: Chuẩn theo hành gọi là tà. Hai giải thích đều vậy.

2. Khi kết sinh đối với cha mẹ v.v... hỗ tương khởi điên đảo và tâm tương ưng sân, ái nên gọi là điên đảo, vì điên đảo làm nhân mới kết sinh được.

Biện rằng: Tức chủng tử của Thức thứ tám gọi là điên đảo. Hữu lậu thiện hành do trái với hoàn diệt, còn được gọi là tà. Hữu lậu Vô ký là căn bản sinh tử thì gọi điên đảo cũng đâu có lỗi gì. Vì thế luận nói ba cõi hư vọng, tâm tâm sở v.v... Hư vọng tức là tên khác của điên đảo. Hoặc do điên đảo phát cũng gọi là điên đảo. Nói kết sinh v.v..., tức là chi danh sắc. Hai thọ dụng tức hai chi xúc và thọ. Thức này v.v... năm là căn cứ năm vị đang khởi nói thứ lớp. Chi khác có thể biết. Còn lại hai thứ lớp, đầy đủ như trong bản luận, sơ dài dòng nên không chép. Giải thích có giống có khác, cũng như trong phần sơ sao giải thích.

Sớ: “Kinh Thập Địa” đến “si trong duyên”.

Xét trong kinh kia ghi: Ở đây vô minh có hai thứ tác: một là si trong duyên khiến cho chúng sinh mê hoặc, hai là cùng với hành làm nhân.

Hành có hai: một là quả báo một đời vị lai, hai là cùng thức làm nhân.

Thức có hai: một là có thể khiến tương tục, hai là cùng danh sắc làm nhân.

Danh sắc có hai: một là trợ giúp nhau thành tựu, hai là cùng lục nhập làm duyên.

Lục nhập có hai: một là có thể duyên sáu trần, hai là cùng xúc làm nhân.

Xúc có hai: một là xúc có thể sở duyên, hai là cùng thọ làm nhân.

Thọ có hai: một là giác tăng ái, hai là cùng ái làm nhân.

Ái có hai: một là trong có thể nhiễm sinh tâm tham, hai là cùng lấy làm nhân.

Thủ có hai: một là tăng trưởng phiền não nhiễm phược, hai là cùng hữu làm nhân.

Hữu có hai: một là có thể đối đạo khác mà sinh, hai là cùng sinh làm.

Sinh có hai: một tăng trưởng năm uẩn, hai là cùng lão tử làm nhân.

Lão tử có hai: một là khiến các căn thuần thực, hai là cùng tử cùng nhân.

Tử có hai: một là hoại thân năm ấm, hai là do không hiểu biết nên khiến tương tục không dứt.

Luận kia ghi: Hoại năm ấm làm nhân đời sau, không thấy không biết cho nên có thể làm nhân đời sau.

Giải thích: Duyên là sở duyên. Đối với tất cả cảnh sở duyên mà không hiểu biết nên gọi là si trong duyên. Các hoặc nhân đó khởi gọi là khiến cho chúng sinh mê lầm. Do có thể dẫn sinh các đạo khác nên gọi sinh đường khác, không phải đã sinh rồi gọi là sinh. Thế nên Đối Pháp quyển 4 ghi: Khiến các loại hữu tình quả báo đời sau hiện tiền, nghĩa ý đồng vậy. Văn khác có thể biết. Đối Pháp phần nhiều đồng, nên không dẫn ra.

Sớ: Nếu như vậy tức sắc Vô sắc không có hoại khổ.

Ý vấn hỏi này cho rằng, cõi sắc và cõi Vô sắc không phải là phi

phước cảm. Cõi kia lẽ ra không có pháp hoại khổ.

Hỏi: Vô sắc không có hoại, lẽ nào chẳng phải tương phù?

Đáp: Hiển rõ cõi kia đều chẳng phải phi phước hành chiêu cảm, do đó nêu cả hai, nói đều không có hoại khổ là chỉ đối với sắc. Văn bao gồm lý rộng, không trái nhau.

Sớ: Nếu cũng mê nó lẽ nào chỉ phát phi phước.

Đây là phá người ngoài chống chế. Ý người ngoài chống chế cho rằng, sắc có hoại khổ, đối lý cũng đâu có trái, vì thế ở đây vặn hỏi rằng: nếu có hoại khổ lẽ nào chỉ mê nó, chỉ phát phi phước? Nếu không như vậy tức trái với luận Du-già nói mê khổ thế tục phát nghĩa phi phước. Lại có lỗi cùng ví dụ Dục giới mê hoại khổ phát hành phi phước, liền trái với giáo lý. Nếu thừa nhận như vậy thì lại trái với Thánh giáo. Ở cõi trên chỉ là hành bất động chiêu cảm, vì thế không được đứng về ba khổ để phân làm hai đế.

Sớ: Cho đến chi lão hỏi đáp đều như vậy.

Hai chi vô minh và hành như sơ đã dẫn, còn lại nay lược dẫn. Xét luận kia ghi:

Hỏi: Thức cũng dùng danh sắc làm duyên, vì sao trong này chỉ có hành?

Đáp: Hành là duyên tạp nhiễm của thức, có thể dẫn sinh quả đời sau, không phải như danh sắc đều là sở y.

Hỏi: Sở duyên sinh khởi, lẽ nào danh sắc cũng do đại chủng tạo ra và do xúc sinh, vì sao chỉ nói là xúc?

Đáp: Thức có thể làm nhân thân sinh nó, hoặc đã sinh hoặc lúc đang sinh, đại chủng và xúc chỉ có thể cùng nó làm kiến lập nhân.

Hỏi: Như trong kinh nói sáu cõi làm duyên được vào thai mẹ, này vì sao chỉ nói thức?

Đáp: Nếu có thức quyết định ở trong thai mẹ, vì có đủ tinh huyết, đại chủng, bụm, huyết.

Hỏi: Lục xứ cũng do ăn uống làm duyên, vì sao trong này chỉ nói danh sắc?

Đáp: Đây nói danh sắc là nhân sinh nó, nó đã sinh rồi cũng do ăn uống làm nhân giữ gìn.

Hỏi: Xúc do ba thứ hòa hợp làm duyên, đây vì sao chỉ nói lục xứ làm duyên?

Đáp: Nếu có lục xứ quyết định có ba thứ kia mà không thiếu, lại lục xứ thù thắng nên nhiếp hai thứ kia.

Hỏi: Nếu tự tha bị bức bách, hoặc lúc đó biến dị, do nghiệp trước

dẫn mà được sinh thọ, ở đây vì sao chỉ hiển rõ xúc làm duyên của nó?

Đáp: Xúc là duyên gần vì xúc dẫn. Các duyên khác sinh cũng từ xúc sinh, ắt không lia xúc nên riêng nói xúc.

Hỏi: Trong kinh cũng nói vô minh làm duyên sinh ái, thuận cảnh giới ái cũng được làm duyên, ở đây vì sao chỉ nói thọ?

Đáp: Do sức của thọ nên đối với cảnh tương tự cầu hợp cầu lia, do sức ngu si chỉ đối với các thọ khởi hết các tướng không như thật biết. Do đây không thể chế ngự tâm của nó.

Hỏi: Do tùy miên chưa đoạn, thuận các pháp kia thủ đều được sinh, vì sao chỉ nói ái?

Đáp: Do hy vọng sinh nên đối với nó khi tìm cầu có thể phát tùy miên và có thể phát pháp tùy thuận với nó.

Hỏi: Trước đã nói vô minh làm duyên phát khởi nghiệp hữu, vì sao nay nói thủ duyên hữu?

Đáp: Do sức của thủ khiến cho nghiệp kia đối với sinh xứ của nó dẫn thức v.v... các quả.

Hỏi: Sinh cũng do tinh, huyết v.v... làm duyên, vì sao chỉ nói hữu?

Đáp: Do có hữu cho nên quyết định hữu làm duyên, lại vì hữu thù thắng hơn.

Hỏi: Cũng do viển hành, bất tránh, bất bình đẳng bức bách khác làm duyên lão tử, đây vì sao chỉ nói sinh làm duyên?

Đáp: Tuy do các duyên ắt sinh là chính, dù thiếu các duyên nhưng sinh làm duyên nhất định có lão tử.

Sớ: Thông hai loại.

Xét luận kia ghi: Ở trước nói sáu chi, ái, thủ và hữu ba chi này là phần nhân, hai chi sau là phần quả, một chi còn lại là phần tạp, vì sao có hai thứ thọ gọi là phần tạp? Một, nghĩa là pháp sau lấy xúc làm duyên nhân thọ. Hai, nghĩa là hiện pháp cùng ái làm duyên quả thọ. Đây là hai tạp.

Giải thích: Nghĩa là chủng tử của thọ lấy xúc làm duyên đời sau hiện thọ nhân của quả, vì thế gọi là nhân thọ. Hiện khởi quả báo thọ làm duyên sinh ái, đây là quả đời trước, nên gọi là quả thọ.

Hỏi: Thức v.v... năm chi đều thông nhân quả, vì sao chỉ nói thọ?

Đáp: Thức v.v... năm chi chỉ lấy chủng tử. Từ thọ khởi ái nhiều nhân hiện khởi quả thọ mà sinh, vì thế đối với trong thọ đều nói nhân quả. Thức v.v... bốn chi không cần khởi hiện mới sinh chi sau, nên không nêu ra.

Sớ: Đã có nghiệp đều chẳng phải hành chi.

Tức cảm nghiệp biệt báo đời sau.

Sớ: Tất cả nghiệp của hiện cũng chẳng phải thể của hành.

Cảm nghiệp biệt báo đời sau đã chẳng phải hành chi, rõ ràng chiêu cảm biệt báo hiện đời cũng chẳng phải hành chi.

Sớ: Nếu không như vậy, biệt báo có lỗi cùng nêu.

Ý cùng nêu cho rằng, chiêu cảm biệt nghiệp hiện tại được hành chi này. Cảm biệt nghiệp sau lẽ ra cũng là thể của hành, vì đều là biệt nghiệp.

Sớ: Nếu không như vậy tức có lý ngăn ngại như trước.

Như ở trước nói biệt báo danh sắc cùng nêu.

Sớ: Cho nên trừ ra.

Hễ chẳng phải cảm chung thì chẳng phải là chánh hành, vì thế luận trừ ra. Chẳng phải cho nên trừ, vì thế thể chẳng phải là hành.

Sớ: “Nội Dĩ thực thọ” đến “gọi là năng sinh”.

Hỏi: Giả sử căn cứ đương sinh, vì sao tức gọi năng sinh nhiếp ư?

Đáp: Do đương khởi thọ lãnh nạp nơi cảnh, do cảnh khởi ngu si tạo tác các hành, ngu si nên thọ khởi, thọ gọi là năng sinh. Vì thế luận Dugia quyển 93 ghi: Một là lãnh thọ nội Dĩ thực quả, hai là lãnh thọ quả thọ tăng thượng do cảnh giới sinh. Do đối với nội Dĩ thực quả có ngu si, không thể hiểu biết đúng sự thật đời sau quả báo đời sau sinh khổ, như trước tạo tác tăng trưởng các hành.

Sớ: Và thật sinh quả có trước sau.

Căn cứ tổng báo kia, danh sắc, xúc thọ cùng với thức kia, thật không có trước sau, hoặc có trước sau tổng báo tân chủng các thức huân khác nhau, chưa hẳn đồng thời. Thức thứ sáu huân cũng tổng hợp trước sau, do đây mà nói cũng đều có trước sau. Nếu biệt báo thì thức, danh sắc, xúc, thọ và năm căn đều chẳng phải không có trước sau.

Luận: Lại do đây nói sinh dẫn đồng thời.

Hỏi: Sinh và dẫn đều có hai, là bốn đồng thời hay không phải như vậy?

Đáp: Có hai giải thích, như trong Nghĩa Đăng có nói đầy đủ, nhưng số ghi: “nhuận duyên của nó hợp” đến “gọi chung là có”, xem thể của văn kia, rõ ràng năng sinh và dẫn là hai đồng thời, được thãm nhuần nghiệp chủng, thể tức là trước có thể dẫn nhân. Do được thãm nhuần rồi gọi là năng sinh. Căn cứ theo thể không khác, tên gọi thì đồng thời.

Hỏi: Nếu như vậy vì sao nói “lại do”. Nói “lại do” là căn cứ theo hiện khởi?

Đáp: Khi quả sắp khởi gọi là hiện khởi. Hoặc khi bắt đầu thấm nhuần tuy quả chưa khởi nhưng sau chánh sinh quả cũng có chi hữu. Căn cứ chi Hữu này gọi là sinh và dẫn đồng. Nếu không như vậy, luận vì sao nói thấm nhuần và chưa thấm nhuần? Lại sở tổng hợp kinh hoặc hưởng đến quả sở sinh xa gần, rõ ràng biết ý sở đứng về năng sinh và dẫn gọi là đồng. Hoặc ý sở hiển rõ sở dẫn và sinh, cả hai đồng thời. Nói thấm nhuần duyên v.v... ý nói do nhuần quả mới được sinh. Hiển rõ nhuần và chưa nhuần không cùng khởi, nghĩa đồng như Nghĩa Đăng xác quyết. Do luận tổng hợp với kinh, căn cứ hiện khởi mà nói. Nếu có thể dẫn và sinh liền chẳng phải hiện.

Biện rằng: Nghĩa trước là chính, vì thế kinh ghi: Đây là năng nhiếp tụ phần và năng chuyển xuất phần một lúc mà sinh, thứ lớp tuyên nói.

Giải thích: Kinh kia nói năng nhiếp tụ phần, nghĩa là vô minh v.v... năng chuyển xuất phần là ái, thủ v.v..., cho nên thuận theo văn kinh, nghĩa trước là thù thắng.

Hỏi: Phần trước và sau của sở lấy ý của kinh kia, vì sao không đồng?

Đáp: Văn giáo tuy một lý nhưng có nhiều đường, vì thế sở có trước sau nhưng giải thích có khác. Pháp quy về phân biệt nên có như vậy.

Luận: Có chỗ chỉ nói nghiệp chủng gọi là hữu.

Xét luận Du-già quyển 10 ghi: Thứ lớp thành lập hữu chi có hai: một là căn cứ theo phần thù thắng mà lập, nghĩa là lấy thủ nhiếp ái nghiệp. Hai là toàn phần mà lập, nghĩa là các chủng tử nghiệp và thức.

Giải thích: Lấy sở huân phát gọi là thủ nhiếp thọ, tức là được thấm nhuần nghiệp chủng gọi là hữu.

Luận: “Trung hữu” đến “đều là sinh chi nhiếp”.

Xét trong kinh Duyên Khởi ghi: Sinh có năm loại:

1. Hạ chủng sinh
2. Thứ lớp tăng trưởng sinh
3. Thứ lớp xuất thai sinh
4. Thứ lớp tăng trưởng sinh
5. Tăng trưởng sinh rồi có thể được thọ dụng thế tục sinh.

Giải thích: Trường hợp thứ hai và thứ tư là căn cứ trong và ngoài thai tăng trưởng phân làm hai. Tử có sáu trường hợp, như trong sở dẫn đầy đủ. Loại tử thứ ba, kinh kia giải thích rằng: Tự tướng tử là thức đối trong thân đời đối xuất phân biệt và sắc căn diệt hết.

Giải thích: Năm trường hợp còn lại đối với trường hợp thứ ba, hình tướng có thể biết, vì thế không chép.

Sớ: “Quyển 56” đến “đối với đây không trái”.

Xét luận kia ghi: Lại do năm tướng thành lập duyên khởi sai khác. Năm gồm những gì?

1. Các khổ dẫn nhân y xứ.
2. Các khổ sinh nhân y xứ.
3. Các khổ dẫn nhân.
4. Các khổ sinh nhân.
5. Các khổ sinh khởi.

Giải thích: Hiện thân sáu xứ là quả đời trước, do mê quả này mà khởi vô minh. Hành nhân đến thọ, vô minh bảy loại năng dẫn sở dẫn đều gọi là dẫn nhân. Lục nhập hiện tại là vô minh v.v... sở duyên khởi xứ gọi là Dẫn y xứ. Do tham hiện thọ khởi ái, thủ, hữu, vì thế nói hiện thọ là sinh nhân y. Nếu dẫn nhân thể tức trước có thể y theo vô minh v.v... bảy loại. Sinh nhân cũng ba chi trước là ái, thủ, hữu. Sinh, lão đời sau gọi là khổ sinh khởi.

Sớ: “Do mê hoặc mà sinh ra nghiệp mê hoặc”.

Xét luận Câu-xá quyển 9 ghi: Từ hoặc sinh hoặc, nghĩa là ái sinh thủ. Từ hoặc sinh nghiệp nghĩa là thủ sinh hữu, vô minh sinh hành. Từ nghiệp sinh sự nghĩa là hành sinh thức và hữu sinh sinh. Từ sự sinh sự nghĩa là từ thức sinh danh sắc, nhân đến từ xúc sinh thọ, và từ sinh sinh lão tử. Từ sự sinh hoặc nghĩa là thọ sinh ái. Do lập chi hữu, lý kia chỉ như đây. Đã hiển rõ lão tử là sự hoặc nhân, và vô minh là sự hoặc quả. Vô minh, lão tử sự, hoặc tánh, lẽ nào lại lập duyên khác khởi chi?

Luận: “Do đây luận nói” đến “hai cõi trên có”.

Luận Du-già ghi: Các loài hữu tình ở cõi trời Vô sắc, thức nường nơi chủng tử của danh và sắc. Chủng tử của danh và sắc nường thức mà chuyển, do vì trong thức kia có chủng tử của sắc. Sắc tuy gián đoạn nhưng sau sẽ sinh lại.

Biện rằng: Chuẩn theo ý của văn kia, nói chỉ nường theo báo chủng không lấy định chủng, đây là thuận với văn lý.

Hỏi: Ở cõi khác danh sắc vì sao nường nhau?

Đáp: Như vô minh địa dưới phát hành của địa trên, đây cũng đồng như kia.

Luận: Đối với cảnh ngac của hiện cũng có ái.

Giải thích như Nghĩa Đăng và sớ. Có nghĩa sinh vào địa cõi khác đã dùng đương sinh xứ ái nhuận sinh. Dục giới khác đường cũng duyên

đương sinh xứ ái nhuận. Nghiệp biến khổ đầy đủ là lạc khiến ưa thích. Khiến vui thích đủ hiện tại ngã, gọi là ngã hiện cảnh, không phải hiện ngã thân gọi là ngã hiện cảnh.

Biện rằng: Hễ ái khởi liền có thể nhuận sinh, cảnh sở duyên vì sao lại hạn cuộc đương xứ? Như nước chảy vào ruộng không lựa đây kia. Lại ái duyên thọ, thọ thông hiện thọ, cảnh vì sao không thừa nhận hiện cảnh làm duyên? Vì thế số nói không có lỗi.

Luận: “Vì sao duyên phát nghiệp” đến “lập riêng ái và thủ”.

Chuẩn theo lời đáp ở sau, văn hỏi gồm có bốn. Văn lược nghĩa nhiều, nên nay mở rộng.

1. Hỏi toàn giới phiền não đều có thể phát nghiệp, vì sao đây chỉ nói một.

2. Hỏi nhuận sinh các hoặc, vì sao chỉ nói có ái.

3. Hỏi nhuận hoặc không phải một phần ái thủ, phát hoặc cũng nhiều chi, lẽ ra không phải một.

4. Hỏi thủ nhiếp các hoặc, vì sao chỉ nói ái tăng gọi là thủ.

Ở phần đáp sau, như văn thứ lớp đáp, suy nghĩ có thể biết.

Sớ: “Nói bốn ái là tập đế”.

Luận Du-già quyển 55 ghi: Thế nào là ái? Nghĩa là đối với tự thể thân gần thủ hộ. Ái của quả báo đời sau là thế nào? Nghĩa là cầu đời sau tự thể sai biệt. Hỷ và tham câu hành ái là thế nào? Nghĩa là đối với hiện tiền hoặc đã được có thể ưa thích sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp mà khởi tham trước. Nó mong lạc ái là thế nào? Nghĩa là đối với các thứ khác ưa thích sắc v.v... khởi hy vọng ưa thích.

Luận: Như vô minh địa dưới phát hành của địa trên.

Có hai giải thích: Một là đồng như trong số đã nói, hai là vô minh ở Dục giới phát chung hành trong ba cõi, vì vô minh phát nghiệp kiến sở đoạn, được định trên vì không phục định dưới. Nhưng chứng định trên lẽ ra nói là căn bản. Phần gần chưa có thể phục dưới hết nên gọi là hành chi, vì căn bản mới sinh và nhiệm chưa khởi, nên nói định trên phát vô minh định dưới, cho nên số không đúng lý.

Biện rằng: Vả lại, như khi khởi không xứ Vị chí định, Tứ thiên si phát hành kia không? Nếu không phát thì lý do vì sao? Nếu thừa nhận có phát vì sao phải Dục giới vô minh phát, còn hai cõi kia thì vô minh không thể cùng khởi? Nếu trước sau đều phát thì chính là phát trùng nhau, trái với điều mà luận nói, vì thế nay không lấy ý đó. Lại Vị chí định có thể chiêu quả báo, vì sao chẳng phải là hành chi. Hành chi lẽ nào cần phải phục hết hoặc ư? Còn lại như trong Nghĩa Đăng biện rõ.

Nay thêm một giải thích, Vị chí và Căn bản đều thừa nhận địa dưới do vô minh phát khởi. Hai thứ đều thuộc về nghiệp bất động, đều được gọi là hành. Như thứ lớp chiêu cảm quả báo chung riêng. Sở căn cứ ban đầu, nghĩa là chỉ nói phần gần.

Luận: Ái kia cũng duyên Đương sinh địa.

Ý của văn này như số đã nói. Có nghĩa vặn hỏi luận rằng, nhưng vặn hỏi này Hộ Pháp có nhiều văn, thọ kia đã chẳng phải thọ chi, vì sao lại phải hỏi như vậy.

Biện rằng: Xét luận Du-già, mười hai chi phân nhân quả xen tạp, như trước đã nói rõ. Chi thọ gọi là tạp, do xúc làm nhân gọi là nhân thọ, cùng ái làm duyên gọi là quả thọ, vì quả đời trước. Do thọ hai riêng khác nên có văn này, lẽ nào thừa nhận không có nghĩa, chỉ dẫn sông văn nhiều? Lấy trí phàm mà muốn vượt qua Thánh, e rằng không thể được.

Số: “Luận Thập Địa” đến “chỉ nói là ba đời”.

Xét luận kia dẫn kinh ghi: Vô minh duyên hành là thấy việc đời quá khứ. Thức danh sắc, lục nhập, xúc thọ là thấy việc đời hiện tại. Ái, thủ, hữu, sinh lão tử là thấy việc đời vị lai, vì thế thấy có ba đời chuyển.

Biện rằng: Nay xem văn kia, tên của ba đời đồng với tông Tiểu thừa. Năm chi đời vị lai khác với Tiểu thừa.

Số: Chẳng phải chuyển ái làm tăng thượng tham.

Do thượng phẩm tham mà làm chi thủ, nên nói là ái tăng. Không phải chuyển chi ái để thành thượng phẩm là chi thủ nên gọi là ái tăng. Do đây các tên như thủ v.v... là Độc tướng.

Luận: Vô minh ái thủ chi thông bất thiện.

Có nghĩa vặn hỏi giải thích số rằng: Nói vô minh cõi Dục chỉ là bất thiện, điều này là không đúng lý, vì trợ phát cũng thông tu sở đoạn.

Biện rằng: Số tự hỏi đáp có trợ và có chánh khác nhau. Chánh chỉ là bất thiện, trợ có thể có Vô ký. Đã có hai giải thích mà không nhất định phán lấy chính không lấy trợ, vì sao lỗi lại thấy không phải lỗi?

Số: Cũng không thể chỉ nói Thánh không tạo nghiệp.

Đây là nêu lại người ngoài chống chế. Ý họ chống chế rằng, trong kinh chỉ nói Thánh không tạo nghiệp, vì sao được lấy đây mà chứng cho người nội pháp cũng tạo nghiệp ư? Vì thế chỉ nêu chung, không phải dẫn Đối Pháp để làm chứng.

Luận: “Do đây nên biết” đến “không mê cầu”.

Nếu căn cứ theo Hữu tông có hai sư nói, vì thế luận Bà-sa quyển

53 ghi: Hỏi: Thánh có tạo nghiệp đồng phần ở cõi Dục không? Có thuyết nói là không tạo. Cõi dục nhiều tội lỗi, nhiều tai ương cho nên chỉ tạo Mãn nghiệp. Có thuyết nói cũng tạo, thuyết trước là chính. Vì thế trong Thuận Chánh Lý quyển 64 ghi: Chẳng phải chư Thánh lại có thể tạo nghiệp mới lôi kéo nghiệp sau, do vì trái sinh tử hưởng đến Niết-bàn. Vì thế kinh nói Thánh chỉ thọ nghiệp xưa.

Luận: Tạt tu Tịnh lực.

Nếu chuẩn theo Hữu tông thì tạt tu Tịnh lực mới tạo dẫn nghiệp, chiêu cảm quả Tịnh cư, gọi là tạt tu, không căn cứ theo sự huân tập. Vì thế, luận Câu-xá quyển 24 ghi: Nên biết trong này thế lực Vô lậu huân tu Hữu lậu khiến chiêu cảm quả Tịnh cư.

Giải thích: Trước sau Vô lậu, chặng giữa Hữu lậu gọi là thành tựu. Do trước sau trong tâm tu Hữu lậu nên chiêu cảm quả kia. Đã nói “khiến cảm” rõ ràng là tạo dẫn nghiệp, nếu không như vậy vì sao nghĩa cảm được thành? Lại luận Bà-sa ghi: Nhân Dị thực tạt tu Tịnh lực dẫn Ngũ tịnh cư, chúng đồng phần. Đã nói nhân Dị thực có thể dẫn Đồng phần, đây là nói nhất định tạo nghiệp.

Sớ: Nếu nói phát nghiệp biệt báo.

Liên không phải là hành chi, câu đầu nêu lại chống chế, câu sau chánh phá. Ý họ chống chế rằng, Đại luận nói phát nghiệp ba đường ác là phân biệt. Đây là căn cứ phát biệt báo, ý vặn hỏi có thể biết.

Sớ: Lại trong này có hai thuyết.

Giải thích ba đoạn này có hai sự.

Sớ: “Người kia” đến “kiến khác đoạn”.

Nêu lý do Dị thực ngu tu sở đoạn, vì sao vậy? Luận Du-già đã nói mê chân đế tục đế phát phi phước v.v... Đối Pháp lại cho rằng hai khổ tục và chân nhiếp trong tám khổ. Bảy khổ đã là sự, Dị thực ngu mê phát hành phi phước, cho nên Dị thực ngu chỉ tu sở đoạn, do vì mê sự. Lại luận Đối Pháp quyển 7 ghi: Do chân thật nghĩa ngu phát hành phước và bất động. Chân thật nghĩa tức là bốn Thánh đế. Đối với bốn Thánh đế này không hiểu biết gọi là chân thật nghĩa ngu. Vì thế luận Du-già nói hai ngu thế và thắng mê sự lý sai khác, nên tu và kiến đoạn hai cõi không đồng.

Hỏi: Chuẩn theo luận Đối Pháp nói mê Dị thực ngu đã là mê sự, ngu này tu đoạn lý kế hợp chung đường, sở vì sao lại trách?

Đáp: Xét luận Đối Pháp, giải thích Dị thực ngu rằng: Do họ một bề hưởng đến tánh nhiễm ô này, khi vô minh hợp ắt không thừa nhận thọ tín giải thích Dị thực hành tướng chánh kiến. Chuẩn theo luận này,

lẽ nào chỉ mê sự đều sinh mê hoặc ư? Do đó sợ khiến trách không trái với giáo lý.

Sớ: Thứ sáu, bảy là hoại.

Xét luận đối Pháp quyển 6 ghi: Ba khổ, tám khổ triển chuyển nhiếp nhau. Nghĩa là từ Sinh khổ cho đến Oán tăng hội khổ có thể hiển khổ khổ, vì thuận với nghĩa tự tướng khổ của pháp khổ thọ. Ái biệt ly khổ và Cầu bất đắc khổ có thể hiển hoại khổ, vì đã được chưa được thuận với nghĩa tự tướng hoại của pháp khổ thọ. Lược nhiếp tất cả năm thủ uẩn khổ có thể hiển hành khổ, vì không giải thoát nghĩa bất an ổn của hai vô thường sở tùy.

Giải thích: Hai vô thường gồm: một là sinh vị khổ, nghĩa là khổ khổ; hai là diệt vị khổ, nghĩa là hoại khổ. Sinh và diệt hai vị đều thuộc về vô thường, nên gọi là hai vô thường.

Luận: Chín thứ tâm mạng chung.

Xét luận Đối Pháp quyển 5 ghi: Sức tương tục có chín thứ tâm mạng chung cùng tự thể ái tương ứng. Trong ba cõi đều khiến Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới sinh tương tục. Nghĩa là từ Dục giới chết, trở lại sinh ở Dục giới, tức do Dục giới tự thể ái tương ứng, tâm mạng chung kết sinh tương tục. Nếu sinh cõi Sắc và cõi Vô sắc tức do cõi Sắc và cõi Vô sắc tự thể ái tương ứng, tâm mạng chung kết sinh tương tục. Như vậy từ cõi Sắc và cõi Vô sắc mạng chung hoặc liền sinh về cõi kia, hoặc sinh về cõi khác. Có sáu thứ tâm như sở ứng kia đều phải biết. Lại tự thể ái này chỉ là câu sinh, không rõ cảnh sở duyên, thuộc tánh Hữu phú vô ký.

Sớ: Có thuyết nói từ Vô tướng chết.

Tức là nghĩa của sư trước nói từ Vô tướng thiên chết không có tâm.

Sớ: Đây chẳng phải nhân đều khởi.

Sáu thức này đều do phiền não gián đoạn sinh gọi là tạp, chẳng phải do phiền não làm nhân khởi mới được gọi là tạp. Lại các pháp Vô ký v.v., nên chứng thành, Vô ký cùng với hoặc hỗ tương gọi là tạp, không căn cứ nhân khởi. Thức v.v... gọi là tạp loại cũng như vậy.

Sớ: “Đã như vậy” đến “cũng tự nhiên không”.

Đã do lý trước, sinh thiện của Thánh trên địa dưới v.v... tuy chưa đoạn pháp tạp phiền não kia, nhưng các pháp thiện kia cũng gọi là được đoạn. Tự nhiên không, nghĩa là hiển rõ không do tạp phiền não không, cho nên được đoạn.

Sớ: “Như kiến đạo” đến “cũng gọi là đoạn”.

Nêu tự tánh của kiến đạo mạnh, không do duyên ràng buộc mà gọi là đoạn. Nêu các pháp thiện kia duyên ràng buộc mạnh không có tức gọi là đoạn. Tuy bị duyên ràng buộc cùng các pháp thiện và tạp phiền não có sai khác, nhưng đều chẳng phải mạnh, dùng làm thí dụ cũng không có lỗi. Có nghĩa duyên ràng buộc kia đoạn và tạp phiền não đoạn đều nương theo sáu thức, không phải là Thức thứ bảy, vì thế lia dục là lia địa này vậy. Các pháp không nhiễm tức gọi là được đoạn, như chẳng đoạn, sau được quả Bất Hoàn vì không chướng ngại quả. Đây cũng như vậy, chỉ đứng về sáu thức vì các hoặc mạnh hơn, vì có thể phát nguyện tự địa đoạn tức gọi là đoạn. Nếu như trong số nói chỉ đứng về duyên ấy cũng chưa thông thiện, Địa dưới thứ bảy hoặc duyên hoặc ràng buộc đều chưa lia được.

Biện rằng: Chỉ đứng về năng duyên vì sao không thông thiện? Tuy Thức thứ bảy có thể duyên, ràng buộc ở năng sở duyên hẹp. Nhưng thiện cói Dục v.v... theo nghĩa rộng mà nói rằng đoạn cũng đâu có lỗi. Nếu cho rằng duyên tạp chỉ y theo sáu thức, hai thứ duyên tạp nhiếp pháp không hết, vì Thức thứ bảy phiền não không nhiếp hai pháp. Nếu nói hai thứ duyên và tạp nhiếp các pháp thiện của Thức thứ bảy, mà nói lia duyên và tạp thì chỉ căn cứ nơi sáu thức. Nếu như vậy cũng đâu ngại gì nói duyên tạp do hoặc của Thức thứ bảy, Dục thiện v.v... đoạn. Căn cứ năng duyên kia rộng cho nên không nói, đó đó ý của số này, lý vốn không trái.

Số: Đã như vậy, vì sao do nó mà gọi là Hữu lậu.

Ý vặn hỏi này cho rằng, đoạn đã không do tạp phiền não không có, được thành Hữu lậu lẽ ra không do nó.

Biện rằng: Nay có hai giải thích:

1. Đã có ngăn ngại, tức là đứng về sáu thức giải thích tạp phiền não. Đương địa sáu thức phiền não tạp không có, đương địa thiện v.v... gọi là được lia trói buộc.

2. Thành lậu do lậu đầy đủ. Thiện v.v... do bảy lậu đoạn phược, căn cứ theo duyên mạnh, tạp ở thiện đều đoạn. Nếu như vậy vì sao nói thiện v.v... đoạn là do đoạn duyên tạp kia và phiền não kia?

Đáp: Thiện đoạn có hai: một là tiểu phần đoạn, hai là toàn phần đoạn. Nói lia dục v.v... Dục thiện gọi là đoạn, đây là căn cứ theo tiểu phần đoạn. Nói do đoạn tạp gọi là đoạn, đây là y toàn phần đoạn. Vô học mãn vị, hai hoặc duyên tạp thấy đều không có.

Số: Kiến thể này là phược, chẳng phải kiến thì chẳng phược.

Tuệ cùng năm kiến là thể lẽ ra đoạn, không phải thể của năm

kiến chẳng phải tự tánh đoạn.

Sớ: Do mười thứ này.

Biến hành và Biệt cảnh hợp lại mà nói.

Sớ: “Vô tướng định” đến “nhân vong quả mất”.

Hỏi: Chỉ y ngoại đạo mới khởi định này. Nhập kiến liền xả, ngoại đạo y thân định hằng không khởi, vì sao không gọi quả mất nhân vong?

Đáp: Sớ nêu bày phương góc, nêu ba ác khởi biệt báo thiện nghiệp quả mất nhân vong, hiển định cũng như vậy. Nhưng sợ có người chấp định chỉ là quả mất nhân vong một nghĩa, nên lại nêu nhân vong quả mất, hiển thông hai nghĩa. Nếu không như vậy vì sao ở đây lại biện về quả mất nhân vong này?

Sớ: “Tuy có bảy lần sinh” đến “bất định”.

Ý này hỏi rằng, được quả Dự lưu rồi muốn cùng tột bảy lần sinh liền không sinh thượng vô dục Thức thứ tám. Đây tức hoàn toàn lìa chi hữu ở cõi trên, vì sao được nói không toàn đoạn? Ý kia đáp rằng: Cũng có quả Dự lưu mà được quả Bất hoàn được sinh cõi trên, do đó không được nói là toàn đoạn. sss

Luận: Mười hai toàn phần hành khổ sở nhiếp.

Đây đồng luận Du-già quyển 66 nói. Xét luận ấy ghi: Nghĩa là nghiệp quả báo đời sau phiền não sinh ra các hành. Đối trong tự thể kia có thể tùy thuận sinh tất cả phiền não và các khổ. Tất cả an lập, tất cả biến hành thô trọng sở nhiếp, cũng gọi là thô trọng là tánh hành khổ. Lại hành khổ này biến khắp trong ba thọ. Nhưng đối với xả thọ thì tánh của thô trọng này hiển hiện rõ ràng, vì thế chỉ nói không có khổ thọ, lạc thọ vì do hành khổ, thí như ung nhọt, do xúc chạm lạnh thì sinh tưởng vui, rơi trên tro nóng liền sinh tưởng khổ, nếu cả hai đều lìa thì lúc bấy giờ chỉ có tự tánh khổ của ung nhọt hiển hiện rõ ràng. Lại trong tánh của hành khổ, lạc như đối với lạnh, khổ như bị tro nóng, xả lìa hai khổ tự tánh ung nhọt.

Sớ: “Tập là nghĩa hữu báo”.

Đại luận quyển 55 ghi: Hỏi khổ đế nghĩa là gì? Đáp: Là phiền não sinh ra hành.

Hỏi: Tập đế nghĩa là gì?

Đáp: Năng sinh khổ đế.

Sớ: “Đại luận quyển 10” đến “văn đồng ở đây”.

Sớ dẫn văn mới đọc khó hiểu, nay dẫn đầy đủ.

Hỏi: Có mấy chi bị khổ đế nhiếp và hiện pháp làm khổ?

Đáp: Có hai chi là sinh và lão tử.

Hỏi: Có mấy chi khổ đế nhiếp và đương lai làm khổ?

Đáp: Tánh chủng tử của chi thức cho đến chi thọ.

Hỏi: Có bao nhiêu chi tập đế nhiếp?

Đáp: Những chi còn lại.

Luận: Vô minh hưởng đến hành có hai duyên khác.

Có nghĩa hỏi rằng: Vô minh hưởng đến hành đã không đồng loại, vì sao lại được có vô quán duyên? Đáp: Một là thật ra lý chỉ cùng hành câu vô minh là vô gián duyên. Nhưng hành là quyến thuộc của nghiệp nên cũng gọi là nghiệp, cho nên nói cùng với hành làm vô gián duyên. Hai là vì đồng tự, khác thể triển chuyển được làm vô gián duyên. Như ở giải thích trước các hành phước và bất động chẳng phải vô minh đồng thời, vì sao thành duyên, cho nên giải thích sau là thù thắng.

Hỏi: Như hành phi phước cũng vô minh đồng thời, vì sao hưởng đến hành làm vô gián duyên.

Đáp: Điều nương theo các hành nói có duyên này. Nay ở đây không nói hưởng đến ba thứ hành đều thành vô gián. Hưởng đến hành phước và bất động thành vô gián, phi phước nên suy nghĩ.

Biện rằng: Xem lời hỏi sau thì hành phi phước kia đã là vô minh đồng thời, tức là vô minh làm duyên vô minh chẳng? Ý đáp có thể biết. Nay thêm một giải thích tự tâm phẩm trước hưởng đến tu phẩm sau đều vô gián. Vô minh hưởng đến hành là vô gián duyên, không đứng về riêng đối với vô minh sau mà nói. Do đây chỉ nói vô minh hưởng đến hành là vô gián duyên, cũng không có lỗi.

Luận: “Trong này vả lại y theo” đến “như lý nên suy nghĩ”.

Nếu theo như thật không nương duyên khởi, như luận Đối Pháp đã nói. Xét luận ấy quyển 4 ghi: Như vô minh hưởng đến hành trước sinh tập khí, nên được làm nhân duyên, do nó huân tập tương tục sinh ra các nghiệp, năng tạo quả báo đời sau. Lúc bấy giờ, vô minh hiện hành có thể dẫn phát, vì thế làm Đẳng vô gián duyên. Do nó dẫn phát các hành sai khác lưu chuyển tương tục sinh, do tư duy làm sở duyên duyên, do đó kế chấp tối thắng v.v... Không suy nghĩ đúng như lý, vì duyên ngu si làm cảnh giới, câu hữu kia làm Tăng thượng duyên. Do sức tăng thượng đó hợp tương ưng tư duy điên đảo duyên cảnh mà tạo tác. Như vậy, tất cả tùy sở tương ưng kia phải biết là đều hết.

Luận: Do sức bi nguyện nên gọi biến dị.

Hỏi: Xét luận Nhiếp Đại Thừa ghi: Bồ-tát lưu hoặc chứng Nhất thiết trí. Nay nói bi nguyện chiêu cảm sinh nơi đời được chứng quả Phật, lẽ nào không trái nhau sao? Lại sinh chỉ do bi nguyện mà có, thì dùng

phiền não làm gì? Bất thối Bồ-tát mà không đoạn ư?

Đáp: Địa thứ bảy trở về trước dụng thọ phần đoạn, Địa thứ tám trở đi không chướng đạo do đó không đoạn.

Hỏi: Nếu như vậy, lẽ ra không phải là pháp nhiệm ô. Pháp nhiệm ô vì sao không đoạn?

Đáp: Như Mạt-na thức hoặc, tuy đoạn trừ sau cùng cũng được gọi là nhiệm, điều này cũng không có lỗi. Lại có thể giúp sở tri khiến biến dịch tương tục nên không đoạn.

Hỏi: Nếu như vậy hàng Nhị thừa Vô học hồi tâm lẽ ra không biến dịch, vì phiền não không còn?

Đáp: Có hoặc tập khí có thể trợ duyên cũng thọ biến dịch. Và lại y theo giải thích trước.

Sớ: “Quyển 80” đến “cũng được thọ biến dịch”.

Xét luận kia ghi: Hồi hướng Bồ-tát, Thanh văn hoặc vị Hữu học có thể xả bỏ cầu nguyện Thanh văn. Hoặc vị Vô học mới có thể xả bỏ, do vì căn tánh kia có sai khác, vì đời các duyên có sai khác.

Sớ: Xả thân trùng.

Phần đoạn sinh thân gọi là thân trùng, vì thân có trùng. Trong kinh Đại Bát-nhã quyển 326, quyển 448 ghi: Thiện Hiện bất thối Bồ-tát thân tâm thanh tịnh, không phải như thân người thường, thường bị tám vạn con trùng xâm phạm thân thể để ăn, vì sao? Vì các Bồ-tát này căn lành tăng thượng vượt hơn thế gian. Thân hành đã thọ trọng ngoài thanh tịnh, nên không bị loài trùng xâm phạm thân kia. Như căn lành dần dần tăng trưởng lợi ích, thân tâm như vậy chuyển thanh tịnh. Do nhân duyên này thân tâm các vị Bồ-tát bền chắc như Kim cương, không bị các duyên khác xâm phạm nào hại.

Sớ: Kinh Lăng-già bộ mười quyển.

Sớ tuy giải thích sơ lược, kể sơ học còn mê mờ. Nay y theo bậc cổ đức, tùy theo văn hỏi mà lược giải thích. Tâm của lý tuệ chứng pháp tương ứng có ý tịnh diệt gọi là Tam-muội lạc, hiển nhân sinh thân, do vì nhập Tam-muội có thể hiện thân. Lại do Tam-muội an trụ trong biển tâm thấy cảnh tự tâm, quên thức tâm chuyển và tướng sống thức không sinh khởi. Hoặc thấy tự cảnh hiển, do quên thức không sinh mới biết.

Thân thứ hai, văn số dẫn ở sau. Nhưng kinh ghi: Diệu Hoa Trang Nghiêm mau chóng như ý, giống như mộng huyễn, như trăng trong nước, như hình trong gương, không phải bốn đại sinh tự như tướng bốn đại đầy đủ thân phần. Tất cả tu hành được như ý tự tại, tùy nhập vào đại chúng của cõi nước chư Phật.

Giải thích: Do tuệ vô tánh ngộ được lý này. Được định như huyễn có thể biết các pháp đều như huyễn. Bồ-tát khởi ý sinh thân, tướng tốt đoan nghiêm như trang nghiêm kia, pháp Hữu vi do duyên sinh nên như hình trong gương v.v... Nói như thật thấy biết tướng của các pháp, cũng khởi thân nhân.

Thân thứ ba nói rằng: Chủng loại sinh v.v...

Giải thích: Ứng vật hiện hình, hình không phải một, cho nên nói là chủng loại. Tùy cảm liền phát nên gọi là câu sinh. Khởi không gia công gọi là hạnh vô tác. Hạnh vô tác v.v... là khởi thân nhân. Thân gọi là chủng loại câu sinh v.v...

Sớ: Tức phi trạch diệt lại sinh nghĩa.

Thân và nghiệp đã được phi trạch diệt lại không khởi. Do đây chỉ giúp nghiệp cảm thân, khiến thân không đoạn. Chuẩn theo văn số này thì dưới chữ “cánh” mất chữ “vô”. Hoặc không mất, vả lại trước khi chưa kéo dài tuổi thọ khiến được một trăm năm. Ngoài một trăm năm mạng được phi trạch diệt. Do sau kéo dài, cho nên ngoài một trăm năm mạng được tương tục. Vì thế nói phi trạch diệt lại sinh. Phi trạch thừa nhận sinh như số sau biện rõ. Hơn nữa y theo giải thích sau.

Sớ: Không đồng với Tiểu thừa huân các pháp Thiền.

Đây chỉ là pháp Vô lậu. Lậu, Vô lậu kia nên có sai khác. Hoặc Tiểu thừa huân thiền mà lại tạo nghiệp. Nay chỉ giúp cho nghiệp nên nói là không đồng.

Sớ: “Nay tuy không có văn” đến “lý không trái”.

Đứng về người năng đắc được tứ thiền định, từ trong sở đắc rất thù thắng tức gọi là biên tế. Nếu hưởng đến tha tự, dưới không biết trên, người dưới vì sao gọi là được biên tế? Biên tế không được thì làm sao được biến dịch? Do đây không thể hưởng đến tự tha mà nói.

Luận: “Đã chưa viên chứng” đến “bi nguyện nhanh mạnh”.

Hỏi: Chấp Bồ-đề kia có thể là pháp chấp, chấp hữu tình vì sao không phải là ngã chấp?

Đáp: Nếu chấp hữu tình là một, là thường, chủ thể có thể là ngã chấp không phải pháp chấp. Chỉ chấp có tự thể không bỏ tự tánh, cho nên chỉ thuộc pháp chấp.

Luận: Lại sở tri chướng là chỗ nương của Hữu lậu.

Hỏi: trước nói Hữu lậu do cùng với lậu đồng thời, vì sao lại nói rằng do sở tri chướng?

Đáp: Nếu thành Hữu lậu ắt do lậu đồng thời, cùng với lậu nương nhau thì nhất định phải nhờ sở tri chướng kia thành lậu, thành y, hai

nghĩa đã khác, trước sau không trái.

Luận: Nếu thân sở lưu Hữu lậu định nguyện v.v...

Giải thích như sơ. Có nghĩa Nhị thừa cho nên ý dùng Vô lậu định giúp vì sao không được. Nhưng không có sức đại bi đại nguyện nên sức Vô lậu kém yếu, vì thế chỗ giúp thân chỉ gọi là phần đoạn. Nếu không như vậy thì huân thiện định chỉ có Hữu lậu.

Biện rằng: Luận đã nói rõ, lẽ nào lấy tình thức con người ức chế mà không theo? Lại huân thiện kia cùng với sự lưu thân nhưng nghĩa không đồng. Nghĩa là huân thiện giúp nhân Dị địa sinh quả Dị địa. Có thể thừa nhận Vô lậu định huân kéo dài tuổi thọ chỉ kéo dài nhân trước của quả báo này, vì sao được cùng ví dụ? Lại quả của sự kéo dài ấy không bền chắc, không bằng với biến dịch sinh, cho nên có thể y theo luận.

